

ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Sự cần thiết của đăng ký kế hoạch sử dụng đất

Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 tại Điều 54 đã quy định: “Đất đai là tài nguyên đặc biệt của Quốc gia, nguồn lực quan trọng phát triển đất nước, được quản lý theo pháp luật”. Đất đai thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý. Tại Mục 2, Chương 2 Điều 20 Luật Đất đai năm 2024 quy định: “Lập, điều chỉnh, quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất” là một trong 18 nội dung quản lý Nhà nước về đất đai nhằm phân bổ hợp lý đất đai cho các mục đích, đối tượng sử dụng đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu trên cơ sở tiềm năng về đất đai và nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực đối với từng vùng kinh tế - xã hội và đơn vị hành chính trong một khoảng thời gian xác định. Nguyên tắc, nội dung, căn cứ lập và thẩm định, xét duyệt quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất các cấp được quy định cụ thể tại Chương V của Luật Đất đai năm 2024 (từ Điều 60 đến Điều 77). Tại Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 Điều 67 Luật Đất đai năm 2024 đã quy định căn cứ, tiêu chí, nội dung lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp thành phố. Đây là một nội dung mới trong Luật Đất đai năm 2024 nhằm cụ thể hóa nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực...; cụ thể hóa khả năng đầu tư, huy động nguồn lực để thực hiện; từ đó xác định diện tích các loại đất cần phải thu hồi để thực hiện công trình, dự án trong năm kế hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã.

Thành phố Thái Nguyên là thành phố miền núi của tỉnh Thái Nguyên, có vị trí rất thuận lợi vì là trung tâm kinh tế, chính trị, văn hóa của cả tỉnh.

Với mục tiêu xây dựng thành phố Thái Nguyên trở thành thành phố phát triển theo hướng hiện đại, phát triển nền kinh tế dựa trên những nền tảng toàn diện, bền vững. Huy động mọi nguồn lực, đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng nâng cao tỷ trọng ngành công nghiệp, dịch vụ; xây dựng đồng bộ hạ tầng kinh tế - xã hội; đẩy nhanh tốc độ đô thị hóa và chương trình xây dựng nông thôn mới, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, đảm bảo quốc phòng - an ninh, trật tự an toàn xã hội. Với mục tiêu như trên sẽ làm phát sinh khá lớn nhu cầu sử dụng đất cho các mục đích, đối tượng sử dụng trong năm 2024 và những năm tiếp theo. Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 thành phố Thái Nguyên đã được phê duyệt tạo thuận lợi để phát triển kinh tế của thành phố, tuy nhiên trong thời kỳ phát triển kinh tế nhanh chóng hiện nay thường xuyên có sự biến động trong quá trình thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của thành phố. Vì vậy, việc đăng ký kế hoạch sử dụng đất năm 2024 là cần thiết.

2. Mục đích, yêu cầu, nhiệm vụ của việc đăng ký kế hoạch sử dụng đất năm 2024 thành phố Thái Nguyên:

2.1. Mục đích

Báo cáo thuyết minh tổng hợp đăng ký Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 thành phố Thái Nguyên

- Đăng ký kế hoạch sử dụng đất năm 2025 thành phố Thái Nguyên nhằm đạt được các mục tiêu chủ yếu như sau:

- Đảm bảo đủ quỹ đất đáp ứng nhu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong đó ưu tiên cho các lĩnh vực phát triển cơ sở hạ tầng, công nghiệp và đô thị, tạo đột phá cho sự phát triển kinh tế - xã hội của thành phố cũng như của tỉnh.

- Bố trí quỹ đất hợp lý để đảm bảo mục tiêu quốc phòng, an ninh.

- Bố trí sử dụng đất cho phù hợp với tình hình thực tế phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng cơ sở hạ tầng của thành phố trong bối cảnh của tỉnh, vùng và cả nước theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

- Tạo cơ sở pháp lý và khoa học cho việc xúc tiến đầu tư, tiến hành các thủ tục thu hồi đất, giao đất, sử dụng đất đúng pháp luật, đúng mục đích, có hiệu quả; từng bước ổn định tình hình quản lý và sử dụng đất.

- Khoanh định, phân bổ các chỉ tiêu sử dụng đất cho các ngành, các cấp, các đối tượng sử dụng trên cơ sở các nhu cầu sử dụng đất đảm bảo không bị chồng chéo và lãng phí trong quá trình sử dụng.

- Kiểm tra, đánh giá hiện trạng và tiềm năng đất đai của thành phố để có kế hoạch và phương án đầu tư, sử dụng hợp lý các danh mục công trình, dự án trong năm 2025.

- Là cơ sở pháp lý thực hiện thủ tục về giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất...

- Làm căn cứ pháp lý để quản lý đất đai theo Pháp luật, thực hiện tốt các quyền của người sử dụng đất, bảo vệ, cải tạo môi trường sinh thái, phát triển và sử dụng tài nguyên đất có hiệu quả và bền vững.

2.2. Nội dung

Đăng ký kế hoạch sử dụng đất năm 2025 thành phố Thái Nguyên chủ yếu tập trung xác định một số chỉ tiêu sử dụng đất chủ yếu sau:

- Xác định diện tích đất để sử dụng vào mục đích nông nghiệp, trong đó làm rõ diện tích đất lúa nước, đất trồng cây lâu năm, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất.

- Xác định diện tích đất để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp, trong đó làm rõ diện tích đất xây dựng trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp, đất quốc phòng, đất an ninh, đất di tích danh thắng, đất tôn giáo, tín ngưỡng, đất nghĩa trang nghĩa địa, đất phát triển hạ tầng, đất đô thị...

- Các nhu cầu sử dụng đất phải được tính toán cụ thể đến từng công trình, từng đơn vị hành chính cấp xã được thực hiện trong năm 2023, phải phù hợp với quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 thành phố Thái Nguyên, đồng thời phải đáp ứng được mục tiêu phát triển kinh tế xã hội và những yêu cầu cụ thể trong giai đoạn.

- Bảo đảm mối quan hệ hài hòa giữa khai thác và sử dụng đất để phát triển kinh tế - xã hội với sử dụng đất bền vững và bảo vệ môi trường sinh thái.

Báo cáo thuyết minh tổng hợp đăng ký Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 thành phố Thái Nguyên

- Phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội và các quy hoạch ngành khác của thành phố và của tỉnh đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;
- Sử dụng hợp lý vốn đầu tư, đất đai và tài nguyên khác.

2.3. Nhiệm vụ

- Xác định hướng phát triển kinh tế - xã hội trên cơ sở đánh giá các điều kiện tự nhiên, điều kiện kinh tế - xã hội, các lợi thế và hạn chế của địa phương, làm cơ sở đề xuất phương án kế hoạch;
- Xây dựng phương án kế hoạch, xác định nguồn lực và khả năng huy động các nguồn lực cho việc thực hiện kế hoạch;

2.4. Phạm vi lập kế hoạch sử dụng đất

- Đăng ký kế hoạch sử dụng đất năm 2025 được lập trong phạm vi địa giới hành chính của thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên;

3. Căn cứ pháp lý lập kế hoạch sử dụng đất năm 2025 thành phố Thái Nguyên

- Luật Đất đai ngày 18/01/2024;
- Nghị định 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;
- Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa;
- Thông tư số 08/2024/TT-BTNMT ngày 31/7/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất;
- Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;
- Thông tư số 11/2021/TT-BTNMT ngày 06/8/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc Ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

4. Bộ cục báo cáo

Báo cáo thuyết minh tổng hợp đăng ký kế hoạch sử dụng đất năm 2024 thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, ngoài phần đặt vấn đề, bao gồm các nội dung chính sau:

- **Phần I:** Khái quát về điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội.
- **Phần II:** Đăng ký kế hoạch sử dụng đất năm 2025.
- **Phần III:** Giải pháp tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất.
- **Phần IV:** Kết luận và kiến nghị.

5. Sản phẩm

Sản phẩm đăng ký kế hoạch sử dụng đất năm 2025 thành phố Thái Nguyên bao gồm:

1. Báo cáo thuyết minh tổng hợp đăng ký kế hoạch sử dụng đất năm 2025 thành phố Thái Nguyên - tỉnh Thái Nguyên;

2. Bản đồ đăng ký kế hoạch sử dụng đất năm 2024 thành phố Thái Nguyên, tỷ lệ 1:25.000;

3. Quyết định của UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của thành phố Thái Nguyên.

I. KHÁI QUÁT VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI

1. Điều kiện tự nhiên

1.1. Vị trí địa lý

Thành phố Thái Nguyên nằm ở trung tâm tỉnh Thái Nguyên, có vị trí tiếp giáp như sau:

- Phía Bắc giáp huyện Đại Từ, huyện Phú Lương, huyện Đồng Hỷ;
- Phía Nam giáp thị xã Sông Công;
- Phía Tây giáp huyện Đại Từ;
- Phía Đông giáp huyện Phú Bình.

Thành phố với tổng diện tích tự nhiên 222,11km² và 32 đơn vị hành chính (gồm 21 phường và 11 xã) có vị trí chiến lược, quan trọng trong việc phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Thái Nguyên và các tỉnh miền núi phía Bắc. Là trung tâm giao lưu văn hoá của vùng Việt Bắc, là đầu mối giao thông trực tiếp liên hệ giữa các tỉnh miền xuôi nhất là thủ đô Hà Nội với các tỉnh miền núi phía bắc Việt Nam: Cao Bằng, Bắc Kạn, Hà Giang, Tuyên Quang, Lạng Sơn, Bắc Ninh, Bắc Giang. Với vị trí địa lý như trên, thành phố Thái Nguyên có nhiều lợi thế để phát triển kinh tế xã hội không chỉ trong hiện tại mà cả tương lai, nhất là trong các lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ và trở thành một đô thị trung tâm của khu vực trung du miền núi phía Bắc.

1.2. Địa hình, địa mạo

Địa hình của thành phố Thái Nguyên được coi như miền đồng bằng riêng của tỉnh Thái Nguyên. Ruộng đất tập trung ở hai bên bờ sông Cầu và sông Công được hình thành bởi sự bồi tụ phù sa của hai con sông này. Tuy nhiên, vùng này vẫn mang tính chất, dáng dấp của địa mạo trung du với kiểu bậc thềm phù sa và bậc thang nhân tạo, thềm phù sa mới và bậc thềm pha tích (đất dốc tụ). Khu vực trung tâm thành phố tương đối bằng phẳng, địa hình còn lại chủ yếu là đồi bát úp, càng về phía Tây bắc thành phố càng có nhiều đồi núi cao.

Nhìn chung, địa hình thành phố khá đa dạng phong phú, một mặt tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển đô thị, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp mặt khác tạo điều kiện cho phát triển nông nghiệp phù hợp với kinh tế trang trại kết hợp giữa đồi rừng, cây ăn quả và các loại cây công nghiệp khác như chè, các loại cây lấy gỗ.

1.3. Khí hậu

Thành phố Thái Nguyên mang những nét chung của khí hậu vùng Đông bắc Việt Nam, thuộc miền nhiệt đới gió mùa có mùa đông lạnh giá ít mưa, mùa hè

nóng ẩm mưa nhiều. Do đặc điểm địa hình của vùng đã tạo cho khí hậu của thành phố có những nét riêng biệt.

Tổng số giờ nắng trung bình năm khoảng 1.617 giờ. Nhiệt độ cao tuyệt đối là 39,5°C, nhiệt độ trung bình cao nhất trong năm vào tháng 7 là 28,5°C, thấp nhất vào tháng 1 là 15,5°C. Lượng mưa trung bình hàng năm 2.025,3mm. Lượng mưa phân bố không đều theo không gian và thời gian, có chênh lệch lớn giữa mùa mưa và mùa khô. Về mùa mưa cường độ lớn, lượng mưa chiếm 87% tổng lượng mưa trong năm (từ tháng 5 đến tháng 10) trong đó, riêng lượng mưa tháng 8 chiếm đến gần 30% tổng lượng mưa cả năm nên đôi khi gây ra tình trạng lũ lụt lớn. Thành phố có độ ẩm không khí cao, độ ẩm trung bình năm là 82%. Mùa hè từ tháng 4 đến tháng 10 gió đông nam chiếm ưu thế tuyệt đối, nóng ẩm mưa nhiều. Mùa đông từ tháng 11 đến tháng 3, gió đông bắc chiếm ưu thế, lượng mưa ít thời tiết khô hanh.

Như vậy, khí hậu thành phố Thái Nguyên tương đối thuận lợi cho việc phát triển một hệ sinh thái đa dạng và bền vững, thuận lợi cho phát triển ngành nông-lâm nghiệp và là nguồn nguyên liệu phục vụ cho ngành công nghiệp chế biến nông sản thực phẩm.

1.4. Thủy văn

Trên địa bàn thành phố có sông Cầu chảy qua địa bàn, con sông này bắt nguồn từ Bắc Kạn chảy qua thành phố ở đoạn hạ lưu dài khoảng 25km, lòng sông mở rộng từ 70–100 m. Về mùa lũ lưu lượng đạt 3500m³/giây, mùa kiệt 7,5m³/giây.

Sông Công chảy qua địa bàn thành phố 15 km, được bắt nguồn từ vùng núi Ba Lá thuộc huyện Định Hoá. Lưu vực sông này nằm trong vùng mưa lớn nhất của thành phố, vào mùa lũ, lưu lượng đạt 1.880 m³/giây, mùa kiệt 0,32m³/giây. Đặc biệt, trên địa bàn thành phố có Hồ Núi Cốc (nhân tạo) trên trung lưu sông Công, có khả năng trữ nước vào mùa mưa lũ và điều tiết cho mùa khô hạn.

1.5. Các nguồn tài nguyên

a. Tài nguyên đất

Theo kết quả tổng hợp trên bản đồ thổ nhưỡng năm 2005 tỉnh Thái Nguyên tỷ lệ 1:50.000 cho thấy thành phố có các loại đất chính sau:

- *Đất phù sa*: diện tích là 3.623,38 ha chiếm 20,46% tổng diện tích tự nhiên. Loại đất này rất thích hợp trồng lúa và hoa màu.

- *Đất bạc màu*: diện tích là 1.147,88 ha chiếm 6,48% tổng diện tích tự nhiên, trong đó gồm có đất: Bạc màu phát triển trên phù sa cổ có sản phẩm feralitic trên nền cơ giới nặng, nhẹ, trung bình và đất dốc tụ bạc màu có sản phẩm feralit thích hợp với trồng lúa - màu, cây công nghiệp ngắn ngày.

- *Đất xám feralit*: diện tích 7.614,96 ha chiếm 43% tổng diện tích tự nhiên, trong đó gồm các loại đất: đất xám feralit trên đá cát; đất xám feralit trên đá sét;

đất xám feralit màu nâu vàng phát triển trên phù sa cổ. Đất này thích hợp trồng rừng, trồng chè, cây ăn quả, cây trồng hàng năm.

b. Tài nguyên nước

Nguồn nước mặt trên địa bàn thành phố phân bố không đều theo các vùng lãnh thổ và theo thời gian. Lượng mưa chiếm khoảng 80% lượng nước trong năm. Hiện nay nguồn nước mặt mới chỉ cung cấp cho 85 - 90% diện tích đất canh tác.

Nguồn nước ngầm: nhìn chung thành phố có nguồn nước ngầm phong phú, hiện tại nhân dân đang khai thác sử dụng trong sinh hoạt dưới các hình thức là giếng khơi và giếng khoan.

c. Tài nguyên rừng

Rừng của thành phố Thái Nguyên chủ yếu là rừng non, rừng trồng theo chương trình PAM, 327, nhìn chung trữ lượng thấp, nguồn thu từ kinh tế vườn rừng hầu như không đáng kể.

d. Tài nguyên khoáng sản

Thành phố Thái Nguyên có hai tuyến sông lớn chảy qua là sông Cầu và sông Công. Hàng năm, cung cấp cho thành phố một lượng cát sỏi xây dựng khá lớn, đủ đáp ứng nhu cầu xây dựng cho toàn thành phố. Ngoài ra, thành phố còn nằm trong vùng sinh khoáng Đông bắc Việt Nam, thuộc vành đai sinh khoáng Thái Bình Dương có mỏ than Khánh Hoà thuộc xã Phúc Hà có trữ lượng than khá lớn.

e. Tài nguyên nhân văn

Thành phố Thái Nguyên có 32 đơn vị hành chính trong đó có 21 phường và 11 xã. Trên địa bàn thành phố có đông đảo đội ngũ sinh viên, học sinh các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề (*đứng thứ 3 cả nước*). Đây là nguồn lực có chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu phục vụ sự nghiệp phát triển của thành phố, của tỉnh và cả nước.

1.6. Thực trạng môi trường

- Thành phố chịu ảnh hưởng do ô nhiễm bụi và khí thải của khu công nghiệp Gang Thép, vùng ô nhiễm đã gây ảnh hưởng tới các khu dân cư và môi trường sinh thái nói chung trên địa bàn thành phố.

- Nhà máy giấy Hoàng Văn Thụ đã thải khoảng 400 m³/ngày, nước thải đã gây hiện tượng ô nhiễm suối Mỏ Bạch và nguồn nước sông Cầu. Vấn đề này cần phải giải quyết tốt cả hiện tại và tương lai.

- Ngoài ra còn phải kể đến lượng rác thải sinh hoạt, bệnh viện, trường học, rác thải sinh hoạt đã đang tạo một sức ép rất lớn đến môi trường chung của thành phố.

2. Thực trạng phát triển kinh tế - xã hội

Năm 2023, trong điều kiện tình hình kinh tế - xã hội của thành phố đối mặt với nhiều khó khăn do bối cảnh suy thoái kinh tế chung của thế giới và trong nước, song dưới sự chỉ đạo quyết liệt của Thành ủy, HĐND, UBND thành phố, cùng với sự đoàn kết, thống nhất, chung sức, đồng lòng và nỗ lực phấn đấu của cả hệ thống

chính trị, sự đồng thuận của nhân dân, cộng đồng doanh nghiệp, doanh nhân nên các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội có nhiều tích cực, an sinh xã hội, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo. Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu của thành phố đạt được như sau:

2.1. Hoạt động Dịch vụ - Thương mại

Hoạt động kinh doanh thương mại, dịch vụ còn gặp một số khó khăn nhưng nhìn chung đã cơ bản ổn định. UBND thành phố đã chỉ đạo nhiều giải pháp cụ thể để tạo điều kiện cho các doanh nghiệp trên địa bàn đẩy mạnh các hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo cung ứng hàng hoá kịp thời, đa dạng, phong phú về chủng loại và mẫu mã, đảm bảo chất lượng, đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng. Các cơ quan chức năng của thành phố đã kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm các quy định của pháp luật về hàng giả, hàng kém chất lượng.

Các doanh nghiệp tham gia Hội chợ triển lãm Công thương - OCOP Thái Nguyên 2023: Tham gia trưng bày, giới thiệu quảng bá các sản phẩm nông sản đặc trưng tiêu biểu của thành phố nhằm cường hoạt động xúc tiến thương mại, kết nối cung cầu tiêu thụ sản phẩm, giúp các hộ nông dân, hợp tác xã quảng bá, giới thiệu sản phẩm, tìm kiếm đối tác và phát triển kinh doanh, tạo động lực mới cho phục hồi phát triển kinh tế xã hội, thương mại, dịch vụ. Chỉ đạo các đơn vị thực hiện nội dung đấu giá QSD đất chợ Gia Sàng để đầu tư xây dựng chợ truyền thống kết hợp trung tâm thương mại dịch vụ đảm bảo phù hợp với thực tế địa phương và các quy định của pháp luật. Tổ chức thành công 02 hội nghị đối thoại, chia sẻ giữa cấp ủy, chính quyền thành phố với cộng đồng doanh nghiệp, doanh nhân trên địa bàn thành phố với trên 200 đại biểu doanh nghiệp tham dự.

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng trên địa bàn năm 2023 ước đạt 44.285 tỷ đồng, tăng 20,6% so với cùng kỳ. Trong đó, khu vực Doanh nghiệp ước đạt 19.544 tỷ đồng, tăng 18,3% so với cùng kỳ; khu vực cá thể ước đạt 24.741 tỷ đồng, tăng 22,4% so với cùng kỳ.

2.2. Sản xuất công nghiệp

Do chịu tác động từ bên ngoài trên nhiều lĩnh vực, nhất là về sản xuất công nghiệp do giá nguyên liệu đầu vào vẫn ở mức cao, tình trạng đứt gãy chuỗi cung ứng, khó khăn trong tiêu thụ sản phẩm, đơn hàng ... làm cho hoạt động sản xuất công nghiệp trên địa bàn thành phố gặp nhiều khó khăn. Thành phố chỉ đạo các cơ quan chức năng tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển các cơ sở sản xuất, kinh doanh; kịp thời phối hợp, hướng dẫn các doanh nghiệp hoàn thiện các thủ tục về: Thuê đất, cấp giấy chứng nhận đầu tư, báo cáo đánh giá tác động môi trường để tiến hành đầu tư xây dựng các cụm công nghiệp và các dự án sản xuất công nghiệp. Hệ thống kết cấu hạ tầng công nghiệp tiếp tục được quan tâm thu hút đầu tư; tập trung chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ công tác bồi thường giải phóng mặt bằng phục vụ xây dựng hạ tầng các Cụm công nghiệp Sơn Cẩm 1, Sơn Cẩm 2, Sơn Cẩm 3; thu hút đầu tư vào

các cụm công nghiệp mới được bổ sung vào quy hoạch tỉnh Thái Nguyên tại khu vực phía Nam thành phố.

Giá trị sản xuất công nghiệp (*theo giá so sánh 2010*) trên địa bàn năm 2023 ước đạt 38.399 tỷ đồng, giảm 3,1% so cùng kỳ; *trong đó, khu vực doanh nghiệp nhà nước 20.461,4 tỷ đồng, giảm 8,3% so với cùng kỳ, khu vực địa phương 14.393,1 tỷ đồng, tăng 11,6% so với cùng kỳ và bằng 100,7% kế hoạch tỉnh giao, bằng 97% kế hoạch thành phố giao, khu vực ngoài nhà nước 14.375,1 tỷ đồng, tăng 11,6% so với cùng kỳ, khu vực có vốn đầu tư từ nước ngoài 3.562,5 tỷ đồng, giảm 20% so với cùng kỳ năm trước.*

2.3. Sản xuất nông - lâm nghiệp

- *Trồng trọt:* Thời tiết vụ mùa không thuận lợi nhưng được sự quan tâm chỉ đạo của các cơ quan chuyên môn và sự tích cực của nhân dân, nên nhìn chung cây trồng phát triển tốt, tình hình sâu bệnh được theo dõi thường xuyên chặt chẽ và biện pháp phòng trừ kịp thời. Tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm đạt 10.419 ha, bằng 100% kế hoạch, giảm 2% (*trương đương, giảm 202 ha*) so với cùng kỳ. Tổng diện tích gieo trồng cây lương thực có hạt ước đạt 7.361 ha (*chiếm 70,6%*) tổng diện tích gieo trồng, tăng 1,3% so với kế hoạch, giảm 0,2% so với cùng kỳ. Tổng sản lượng lương thực có hạt năm 2023 ước đạt 40.177 tấn, giảm 1,3% so với năm 2022, đạt 102,2% so với kế hoạch tỉnh, thành phố giao năm 2023.

Chỉ đạo hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra tiến độ làm đất trồng mới, trồng lại chè năm 2023. Tăng cường áp dụng các biện pháp quản lý dịch hại tổng hợp (IPM), thâm canh chè an toàn theo hướng VietGAP, hữu cơ. Hướng dẫn, chỉ đạo, hỗ trợ phân bón hữu cơ sinh học cho các hộ nông dân trồng chè xã Tân Cương chính trang, chăm sóc các đồi chè, nương chè, các cây chè đầu dòng nhằm bảo tồn, phát triển vùng chè đặc sản Tân Cương, phục vụ tham quan trải nghiệm du lịch cộng đồng trong mùa lễ hội Xuân. Ước tính diện tích chè 2023 là 1.491 ha, trong đó diện tích chè cho sản phẩm 1.433 ha; Diện tích chè mới trồng và trồng phục hồi năm 2023 là 20,06 ha. Sản lượng chè búp tươi ước đạt 23.771 tấn, tăng 2,4% so với cùng kỳ, đạt 105,6% kế hoạch tỉnh, thành phố giao cả năm 2023.

Tiếp tục chỉ đạo triển khai thực hiện Đề án bảo tồn và phát triển vùng chè đặc sản Tân Cương thành phố Thái Nguyên, giai đoạn 2021-2025 và Đề án Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao thành phố Thái Nguyên, giai đoạn 2021-2025.

- *Chăn nuôi:* Nhìn chung tình hình chăn nuôi trên địa bàn phát triển ổn định, không phát sinh dịch bệnh lớn, công tác theo dõi phát hiện dịch bệnh, luôn được tích cực triển khai thực hiện kịp thời. Đến nay, thành phố đã thực hiện xong kế hoạch tiêm phòng cho đàn gia súc, gia cầm đợt I, đang triển khai tiêm phòng đợt II năm 2023. Duy trì tốt công tác vệ sinh thú y tại các chợ và các địa điểm kinh doanh, buôn bán, giết mổ gia súc, gia cầm đặc biệt là các điểm giết mổ gia súc, gia cầm tập trung. Triển khai các mô hình chăn nuôi năng suất cao, phát triển chăn nuôi trang trại

tập trung an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh, bảo vệ môi trường, giảm chăn nuôi nhỏ lẻ quy mô hộ trên địa bàn các xã thuộc thành phố.

- Lâm nghiệp

Công tác trồng rừng: Kiểm tra, giám sát khai thác rừng và các cơ sở sản xuất, gieo ươm giống cây trồng lâm nghiệp, đảm bảo cây giống đưa vào trồng rừng có nguồn gốc, xuất xứ, chất lượng giống tốt. Dự ước năm 2023 thành phố trồng được trên 85 ha rừng tập trung sau khai thác; 142.842 cây phân tán (*Trong đó có 1.080 cây xanh đô thị, 141.762 cây xanh nông thôn*). Khối lượng khai thác lâm sản năm 2023 ước đạt trên 5.715 m³ gỗ và 1.550 ster củi.

Công tác quản lý và bảo vệ rừng: Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về bảo vệ rừng. Tăng cường công tác kiểm tra, ngăn chặn các hành vi khai thác, mua, bán, kinh doanh, chế biến, vận chuyển lâm sản trái pháp luật trên địa bàn thành phố. Tăng cường tuần tra, kiểm tra, phòng cháy chữa cháy rừng tại các khu vực trọng điểm. Trong năm 2023, không xảy ra cháy rừng.

- Công tác xây dựng nông thôn mới

Tiếp tục tăng cường công tác kiểm tra, hướng dẫn các xã rà soát, hoàn thành các tiêu chí xây dựng nông thôn mới đảm bảo đúng quy định. Hiện nay, thành phố tổ chức lấy ý kiến người dân đối với báo cáo kết quả thẩm tra đạt chuẩn các tiêu chí xây dựng NTM nâng cao năm 2023 của 03 xã: Phúc Trìu, Phúc Xuân, Thịnh Đức. Chỉ đạo xã Quyết Thắng rà soát, đánh giá việc thực hiện các tiêu chí, hoàn thiện các hồ sơ về đích nông thôn mới kiểu mẫu năm 2023; kiểm tra, đánh giá các dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị gắn với tiêu thụ sản phẩm được hỗ trợ từ nguồn vốn sự nghiệp Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2023; đánh giá hiệu quả, khả năng nhân rộng và công tác quản lý của dự án; kết quả triển khai thực hiện các nội dung, mục tiêu của dự án. Năm 2023 thành phố có 04 xã (*Quyết Thắng, Thịnh Đức, Phúc Xuân, Phúc Trìu*) về đích nông thôn mới nâng cao; 01 xã Quyết Thắng về đích nông thôn mới kiểu mẫu.

- Công tác phòng chống thiên tai

Chuẩn bị sẵn sàng trang thiết bị cứu hộ, cứu nạn phục vụ công tác phòng, chống thiên tai năm 2023. Tổ chức huấn luyện lái xuồng cứu hộ, cứu nạn, ghép bè mảng, sử dụng vật liệu sẵn có cho các chiến sỹ công an, dân quân trên địa bàn thành phố. Triển khai phương án đảm bảo an toàn các hồ chứa và hạ du hồ thủy lợi xung yếu; chỉ đạo UBND các phường, xã khảo sát hệ thống kênh mương, bố trí lực lượng thường trực để vận hành điều tiết và sẵn sàng xử lý các tình huống khi xảy ra bão, mưa lớn.

2.4. Thu, chi ngân sách

- Thu ngân sách: Thu ngân sách 11 tháng đạt 1.699,84 tỷ đồng, bằng 52,19% kế hoạch. Trong đó: Thu thuế phí, thu khác đạt 1.042,217 tỷ đồng, bằng 81,74% kế hoạch; thu tiền sử dụng đất đạt 657,629 tỷ đồng, bằng 32,88% kế hoạch. Dự ước

thu ngân sách nhà nước năm 2023 đạt 2.716,72 tỷ đồng, bằng 83% kế hoạch tỉnh và thành phố (trong đó: Thu thuế, phí, lệ phí và thu khác ước đạt 1.308,5 tỷ đồng bằng 102,6% kế hoạch tỉnh và thành phố; thu tiền sử dụng đất ước đạt 1.408,22 tỷ đồng, bằng 70,4% kế hoạch tỉnh và thành phố).

- Chi ngân sách lũy kế 11 tháng chi ngân sách đạt 2.117,65 tỷ đồng, bằng 69,9% kế hoạch tỉnh, thành phố. Trong đó, chi thường xuyên đạt 950,518 tỷ đồng, bằng 79,8% kế hoạch thành phố. Chi đầu tư phát triển đạt 1.133,24 tỷ đồng, bằng 78,6% kế hoạch thành phố. Chi trả nợ lãi vay, phí đạt: 33,895 tỷ đồng bằng 271,5% kế hoạch tỉnh và thành phố. Đảm bảo chi thường xuyên và chi các nhiệm vụ đột xuất phát sinh trên địa bàn thành phố.

2.5. Công tác tài nguyên môi trường; bồi thường hỗ trợ và tái định cư

Công tác quản lý về tài nguyên và môi trường tiếp tục được triển khai thực hiện theo quy định. UBND thành phố đã tập trung chỉ đạo thực hiện công tác rà soát, lập điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đảm bảo chặt chẽ, theo đúng quy định, phù hợp với quy hoạch tỉnh Thái Nguyên và các quy hoạch ngành, lĩnh vực; đã tổ chức lấy ý kiến công khai, rộng rãi đến các cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp và nhân dân trên địa bàn thành phố và trình HĐND thành phố thông qua điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất thành phố Thái Nguyên thời kỳ 2021 - 2030.

Tiếp tục tăng cường thanh, kiểm tra việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường, cải tạo, phục hồi môi trường của các cơ sở khai thác khoáng sản theo chỉ đạo của UBND tỉnh. Thành lập Đoàn kiểm tra, rà soát lại quỹ đất công, đất xen kẹt trên địa bàn 32 phường, xã, tham mưu hình thức quản lý và phương án xử lý cụ thể đối với từng vị trí đất công, nhất là các vị trí đang bị lấn chiếm, sử dụng trái phép. Thành lập đoàn kiểm tra liên ngành kiểm tra công tác quản lý môi trường, trật tự xây dựng, pháp luật lao động trên địa bàn thành phố. Chấn chỉnh việc giải quyết thủ tục hành chính về đất đai, thực hiện rà soát danh sách các dự án không triển khai không đưa đất vào sử dụng; chậm tiến độ do vướng pháp lý đất đai; chưa nộp tiền sử dụng đất; thực hiện kiểm kê đất đai định kỳ năm 2023 theo chỉ đạo của UBND tỉnh. Rà soát, hướng dẫn việc giao đất, cho thuê đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, công tác bảo vệ môi trường đối với các chợ, trung tâm thương mại. Đẩy mạnh thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng và hỗ trợ tái định cư các dự án, công trình trọng điểm của tỉnh và thành phố như dự án xây dựng sân vận động Thái Nguyên, dự án xây dựng Trụ sở khối các cơ quan tỉnh... và các dự án, khu dân cư, khu đô thị phục vụ đấu giá thu tiền sử dụng đất năm 2023.

Trong 11 tháng đầu năm 2023, thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ GPMB đối với trên 48 dự án, tổng diện tích thu hồi, bồi thường, hỗ trợ GPMB là 31,3 ha, giá trị bồi thường, hỗ trợ khoảng 481,5 tỷ đồng của trên 534 hộ gia đình, cá nhân và 06 tổ chức. Thực hiện giao đất cho trên 418 hộ đã nộp xong tiền trúng đấu giá QSD đất và các hộ có đơn xin giao đất tại các khu dân cư. Phối hợp với Sở Tài nguyên

và Môi trường giao đất cho các tổ chức trên địa bàn. Cấp giấy chứng nhận QSD đất lần đầu cho trên 492 hồ sơ.

Về công tác đấu giá quyền sử dụng đất: Đến ngày 15/11/2023, đã tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất trên 30 lượt, 596 ô (thửa) đất với tổng diện tích 23.086m², tổng số tiền trúng đấu giá là 232,4 tỷ đồng. Tiếp tục bàn giao cho các Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản quỹ đất tại Dự án Đầu tư cải tạo, nâng cấp tuyến đường Thanh niên xung phong và xây dựng hạ tầng Khu dân cư hai bên đường; Khu dân cư số 1 (mở rộng) phường Tân Lập; Khu dân cư số 2, số 3 đường Việt Bắc phường Tân Lập và 1 số quỹ đất khác trên địa bàn thành phố để đấu giá thu tiền sử dụng đất tháng cuối năm 2023. Thực hiện các thủ tục để tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất thuê trả tiền một lần cho cả thời gian thuê, thời hạn 50 năm để thực hiện Dự án Chợ truyền thống kết hợp trung tâm thương mại, dịch vụ tại phường Gia sàng thành phố Thái Nguyên.

Báo cáo Thanh tra tình việc chấp hành chính sách pháp luật về quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị: quản lý trật tự xây dựng đô thị, quản lý sử dụng đất đai, thực hiện bồi thường GPMB của UBND thành phố (từ ngày 01/01/2015 đến 30/8/2023); trách nhiệm của Chủ tịch UBND thành phố Thái Nguyên trong việc thực hiện pháp luật về thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng năm 2021, 2022. Triển khai thực hiện các Thông báo kết luận của Ban Thường vụ Thành ủy kiểm tra công tác quản lý đất đai, trật tự xây dựng tại UBND các phường, xã: Thịnh Đức, Quyết Thắng, Phúc Trìu, Đồng Quang, Đồng Bẩm, Linh Sơn, Tân Thành. Chỉ đạo UBND xã Tân Cương, UBND phường Hoàng Văn Thụ kiểm tra, xử lý các trường hợp vi phạm quản lý đất đai, trật tự xây dựng theo thẩm quyền. Thành lập Tổ công tác thực hiện kiểm tra việc chấp hành các quy định về đất đai, trật tự xây dựng đối với các tổ chức nằm trong phạm vi thực hiện dự án nút giao giữa đường Thanh niên với đường Bắc Kạn.

Tiếp tục triển khai thực hiện Đề án nâng cao năng lực quản lý nhà nước về đất đai, môi trường và khoáng sản giai đoạn 2021 - 2025 và Đề án phân loại rác thải tại nguồn giai đoạn 2021- 2025 trên địa bàn thành phố Thái Nguyên.

2.6. Văn hoá - Xã hội

2.6.1. Công tác thông tin tuyên truyền, văn hoá, thể thao

Tiếp tục thực hiện tốt công tác tuyên truyền các nhiệm vụ chính trị quan trọng của đất nước, của tỉnh, kết quả thực hiện nhiệm vụ, thành tựu phát triển kinh tế - xã hội của thành phố. Hướng dẫn tổ chức các hoạt động tuyên truyền kỷ niệm các ngày lễ lớn và sự kiện lịch sử quan trọng năm 2023. Tổ chức các hoạt động kỷ niệm 93 năm ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (03/02/1930-03/02/2023) và đón Tết Nguyên đán Quý Mão. Tổ chức thành công Không gian Tết Quý Mão 2023 “*Sắc xuân thành phố Thái Nguyên*” tại Quảng trường Võ Nguyên Giáp. Ban hành Kế hoạch tổ chức các hoạt động kỷ niệm 48 năm Ngày giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (30/4/1975-30/4/2023), 69 năm Ngày Chiến thắng Điện Biên Phủ

(07/5/1954-07/5/2023), 133 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (19/5/1890-19/5/2023), 76 năm Ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh về ATK Định Hóa cùng Trung ương Đảng, Chính phủ lãnh đạo cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (20/5/1947-20/5/2023). Kỷ niệm 78 năm Ngày Cách mạng tháng Tám thành công (19/8/1945-19/8/2023) và Ngày Quốc khánh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (02/9/1945-02/9/2023); Tổ chức thành công “Chương trình Nghệ thuật đường phố - Thái Nguyên rạng rỡ thành phố tháng Mười - Đêm hội Trung thu xứ Trà” năm 2023. Chương trình ca nhạc, thời trang đặc biệt; Chương trình thông xe kỹ thuật đường Bắc Nam và cầu Huông Thượng, đường Huông Thượng - Chùa Hang, hạng mục công trình thuộc Dự án phát triển tổng hợp đô thị động lực chào mừng kỷ niệm 61 năm Ngày thành lập thành phố Thái Nguyên (19/10/1962-19/10/2023).

Công tác quản lý di sản văn hóa, di tích, lễ hội: Chỉ đạo các phường, xã xây dựng kế hoạch tổ chức lễ hội năm 2023 như: Lễ hội “*Hương sắc trà xuân - vùng chè đặc sản Tân Cương*” xuân Quý Mão 2023; Lễ hội Chùa Phủ Liễn, Lễ hội Chùa Hang; Lễ hội Đình Quan Triều, Lễ Giỗ Tổ Hùng Vương năm 2023... Khánh thành, bàn giao đưa vào sử dụng công trình tu bổ, tôn tạo Di tích lịch sử quốc gia Đền thờ Đội Cấn. Tiếp tục triển khai công tác tu sửa, tôn tạo di tích Địa điểm lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh về thăm khu công nghiệp Gang Thép; di tích lịch sử cấp tỉnh Đền Góc Sấu; Di tích cấp tỉnh Đền Cột Cờ, phường Trung Vương. Kiện toàn Ban Quản lý các di tích lịch sử trên địa bàn thành phố. Phối hợp với Sở Văn hóa, thể thao và Du lịch hoàn thiện hồ sơ, thực hiện quy trình đề nghị xếp hạng Di tích quốc gia đặc biệt đối với Di tích lịch sử Quốc gia địa điểm lưu niệm các Thanh niên xung phong Đại đội 915 hy sinh tại Lưu Xá, phường Gia Sàng, thành phố Thái Nguyên.

+ *Công tác quản lý nhà nước về du lịch:* Tiếp tục triển khai Đề án phát triển du lịch thành phố Thái Nguyên giai đoạn 2021-2025. Phối hợp Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tham gia các hoạt động tại Khai mạc mùa du lịch Thái Nguyên năm 2023 và phong trào “*Người Thái Nguyên đi du lịch Thái Nguyên*”. Tổ chức thành công chương trình Công bố quyết định đưa vào danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia “*Tri thức trồng và chế biến chè Tân Cương*”, xã Tân Cương đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và Điểm du lịch cộng đồng xã Tân Cương, thành phố Thái Nguyên. Ban hành Kế hoạch phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thành phố Thái Nguyên đến năm 2025. Phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức thẩm định hồ sơ đề nghị công nhận Điểm du lịch của Công ty TNHH Thái Việt (Khu du lịch sinh thái trải nghiệm YASMIN FARM Thái Nguyên).

+ *Công tác Thể dục, Thể thao:* Thực hiện Kế hoạch triển khai cuộc vận động “*Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại*”, giai đoạn 2021-2030. Thành phố tổ chức các môn thể thao trong Hội Xuân Quý Mão như kéo co, đẩy gậy, cờ tướng... đã có 27/32 đơn vị phường, xã với gần 300 vận động viên tham gia; tổ chức Giải thể thao đua xe đạp thành phố Thái Nguyên mở rộng lần thứ Nhất

năm 2023 với 24 đoàn, 186 vận động viên tham gia. Tổ chức Hội thi khiêu vũ thể thao - Dân vũ thành phố Thái Nguyên lần thứ nhất năm 2023. Quyết định thành lập Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã Thịnh Đức, xã Quyết Thắng. Thành lập đoàn vận động viên tham gia giải bóng chuyền, bóng chuyền hơi tỉnh Thái Nguyên năm 2023 và đạt nhiều giải cao.

+ *Công tác gia đình*: Triển khai Bộ tiêu chí ứng xử trong gia đình trên địa bàn thành phố. Cử cán bộ văn hóa xã hội tham dự các lớp tập huấn: Tập huấn kiến thức, kỹ năng quản lý và duy trì hoạt động CLB phòng, chống bạo lực gia đình; tập huấn công tác thành lập và tổ chức hoạt động CLB phòng, chống bạo lực gia đình. Triển khai công tác tuyên truyền, giáo dục lối sống, đạo đức trong gia đình và thực hiện phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” năm 2023 trên địa bàn thành phố.

2.6.2. Công tác chuyển đổi số

Tiếp tục triển khai kế hoạch, chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố về chuyển đổi số. Triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030 theo Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ. Tuyên truyền, hướng dẫn người dân sử dụng Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Thái Nguyên tại địa chỉ: <https://dichvucong.thainguyen.gov.vn>; duy trì hiệu quả mô hình chợ 4.0, với 30/30 chợ (đạt tỷ lệ 100%) đã được triển khai, 90% tiểu thương tại các chợ đã được trang bị mã QR thanh toán không dùng tiền mặt. Thành phố đã hoàn thành triển khai nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số, đã có 96.971 địa chỉ được cập nhật trên hệ thống (đạt tỷ lệ 101,65%).

UBND thành phố tổ chức Hội nghị sơ kết 02 năm thực hiện phong trào thi đua “Thành phố Thái Nguyên đẩy mạnh Chương trình chuyển đổi số” giai đoạn 2021-2025, đề nghị UBND thành phố tặng Giấy khen cho 15 tập thể và đề nghị UBND tỉnh tặng Bằng khen cho tập thể UBND thành phố.

Xây dựng Quy chế quản lý, vận hành, sử dụng Trung tâm điều hành thông minh thành phố Thái Nguyên. Đầu tư nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin, đường truyền số liệu chuyên dùng, hệ thống truyền hình hội nghị, 32/32 phường, xã đã triển khai lắp đặt, kết nối hệ thống camera giám sát (tổng số 304 camera) theo mô hình camera giám sát, kết nối trực tiếp tại các vị trí với trụ sở UBND các phường, xã để phục vụ công tác quản lý và chỉ đạo, điều hành của chính quyền địa phương. Năm 2023, tiếp nhận từ Trung tâm điều hành thông minh của tỉnh 364 phản ánh hiện trường, các phản ánh đã được giải quyết kịp thời và cơ bản được Nhân dân đánh giá ở mức độ hài lòng; hoàn thành triển khai nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số trên địa bàn thành phố Thái Nguyên, đã có 96.971 địa chỉ được cập nhật trên hệ thống (đạt tỷ lệ 101,65%).

2.6.3. Công tác giáo dục và đào tạo

Năm học 2022 - 2023, ngành giáo dục và đào tạo thành phố đã thực hiện nhiều giải pháp hiệu quả nhằm nâng cao chất lượng giáo dục và công tác quản lý giáo viên, nhân viên; Tổ chức tổng kết năm học 2022 - 2023, triển khai phương hướng, kế hoạch nhiệm vụ năm học 2023 - 2024. Tổ chức thành công xét, công nhận tốt nghiệp THCS cho học sinh lớp 9 năm 2023 tại các Hội đồng xét tốt nghiệp THCS theo đúng quy định. Tổ chức tuyển sinh vào mầm non, lớp 1, lớp 6 năm học 2023 - 2024 đạt chỉ tiêu kế hoạch. Tổ chức các hoạt động khai giảng năm học mới 2023 - 2024 đúng quy định. Kết quả giáo dục năm học 2022 - 2023 đạt chất lượng tốt, thành tích tại các cuộc thi cấp tỉnh đạt cao, thành phố Thái Nguyên đứng đầu 9 huyện thành, thị của tỉnh về cơ cấu giải.

Tiếp tục thực hiện kế hoạch kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn Quốc gia trường mầm non, tiểu học, THCS. Đến nay, toàn thành phố có 118/125 trường công lập đạt chuẩn quốc gia, đạt tỷ lệ 94,4% (vượt kế hoạch), trong đó: Có 44/48 trường mầm non, đạt tỷ lệ 91,7%; 39/41 trường tiểu học, đạt tỷ lệ 95,1%; 35/36 trường THCS, đạt tỷ lệ 97,2%. Có 02 trường ngoài công lập đạt chuẩn quốc gia (đạt kế hoạch). Tỷ lệ huy động lứa tuổi nhà trẻ đến trường: 40,7% (đạt kế hoạch);

Tổ chức Hội nghị giải đáp vướng mắc, đề xuất phương án giải quyết việc sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở công lập trên địa bàn thành phố Thái Nguyên. Cấp bổ sung trên 39 tỷ đồng để hỗ trợ kinh phí chênh lệch tăng thêm giữa mức thu học phí năm học 2022-2023 so với mức thu học phí năm học 2021-2022, hướng dẫn, chỉ đạo các trường Mầm non, THCS công lập thực hiện thanh toán chênh lệch học phí kịp thời, chính xác. Thực hiện chính sách hỗ trợ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học ngoài công lập gặp khó khăn do dịch COVID-19 với tổng số 198 người, số tiền hỗ trợ 732,6 triệu đồng. Hướng dẫn triển khai thực hiện Nghị quyết số 16/2023/NQ-HĐND ngày 29/9/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân năm học 2023-2024 thuộc tỉnh Thái Nguyên quản lý.

Quyết định đánh giá xếp loại viên chức quản lý giáo dục theo quy định. Chỉ đạo các nhà trường rà soát, sửa chữa, bổ sung cơ sở vật chất, trang thiết bị, đội ngũ cho năm học 2023-2024 và thực hiện Chương trình GDPT 2018 đối với lớp 4 và lớp 8. Đầu tư kinh phí xây dựng, tu sửa phòng học, mở rộng quy mô trường lớp học. Chỉ đạo xây dựng và thông qua Đề án sáp nhập: Trường mầm non Bê Tông Xây Dựng với Trường mầm non Hoa Hồng, trường Tiểu học Tích Lương 1 và trường Tiểu học Tích Lương 2. Chỉ đạo thực hiện thủ tục giải thể Trường Mầm non Thái Hải và Trường Tiểu học Thái Hải; giải thể Trường mầm non Tài Hoa. Triển

khai có hiệu quả Đề án Phát triển giáo dục và đào tạo thành phố Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2025.

2.6.4. Công tác lao động - Chính sách xã hội

Công tác an sinh xã hội: Đảm bảo đầy đủ, kịp thời chế độ chính sách đối với người có công và các đối tượng bảo trợ xã hội khác. Thành phố chi trả trợ cấp hàng tháng cho trên 5.170 đối tượng chính sách, người có công và trên 6.490 đối tượng bảo trợ xã hội. Công tác giảm nghèo, chăm sóc và giúp đỡ người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, cứu trợ đột xuất được quan tâm chỉ đạo thực hiện tốt (*thăm tặng quà nhân dịp: Tết Quý Mão với kinh phí 7.328.100.000 đồng; dịp 76 năm ngày Thương binh - Liệt sỹ 27-7/1947-27/7/2023 với kinh phí 2.699.000.000 đồng;*) .

Công tác Bảo vệ và chăm sóc trẻ em: Tăng cường các biện pháp bảo vệ, chăm sóc trẻ em, rà soát trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt và trẻ em có nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt: Trẻ mồ côi, trẻ khuyết tật, trẻ nhiễm HIV, trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, trẻ em mắc bệnh hiểm nghèo phải điều trị dài ngày; tăng cường các biện pháp phòng, chống tai nạn thương tích trẻ em, (*thăm, tặng quà nhân dịp Tết Quý Mão với kinh phí 96.000.000 đồng; hỗ trợ đột xuất cho gia đình có trẻ em bị hỏa hoạn, tai nạn giao thông: 9.000.000 đồng*).

Công tác Lao động - Việc làm - Dạy nghề - BHXH: Triển khai Kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn năm 2023; Kế hoạch thu thập, lưu trữ, tổng hợp thông tin thị trường lao động năm 2023 trên địa bàn thành phố (cung, cầu lao động); Triển khai các giải pháp bảo đảm việc làm, thu nhập và ổn định đời sống cho người lao động; Đẩy mạnh chi trả chế độ bảo hiểm xã hội, trợ cấp thất nghiệp qua phương tiện thanh toán không dùng tiền mặt. Khai giảng 04 lớp đào tạo nghề cho lao động nông thôn năm 2023 (*Phúc Xuân, Hương Thượng, Linh Sơn, Cam Giá*). Tổ chức tuyên truyền chính sách lao động việc làm, đào tạo nghề và phát triển bảo hiểm xã hội đối với 210 hội viên hội nông dân. Tăng cường giải pháp phát triển người tham gia bảo hiểm xã hội hoàn thành chỉ tiêu năm 2023. Phối hợp với Bảo hiểm xã hội tỉnh, UBND các phường, xã tổ chức 43 Hội nghị đối thoại, tuyên truyền thực hiện chính sách pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, 93 hội nghị truyền thông phổ biến, tư vấn về bảo hiểm xã hội.

Công tác giảm nghèo: Tiếp tục triển khai Đề án giảm nghèo thành phố Thái Nguyên giai đoạn 2022-2025; Sơ kết 03 năm thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025. Triển khai thực hiện rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình năm 2023 theo chuẩn đa chiều giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn thành phố. Tổ chức hội nghị tập huấn cho trên 500 đại biểu là Ban chỉ đạo rà soát thành phố, phường, xã và các điều tra viên tại xóm, tổ dân phố thuộc 32 phường, xã trên địa bàn thành phố. Tổ chức tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ

làm công tác tuyên truyền, tư vấn hướng nghiệp, khởi nghiệp, học nghề, việc làm và các dịch vụ hỗ trợ việc làm cho 09 phường, xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Tỷ lệ hộ nghèo giảm xuống còn 0,47%, hộ cận nghèo giảm xuống còn 0,58%.

Quyết định hỗ trợ chi phí hỏa táng cho các đối tượng theo Nghị quyết số 26 ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh Thái Nguyên đối với 1.016 người với kinh phí trên 4,101 tỷ đồng.

Công tác phòng, chống tệ nạn xã hội: Triển khai thực hiện Đề án Phòng, chống ma túy trên địa bàn thành phố Thái Nguyên giai đoạn 2021-2025. Tăng cường giải pháp phòng, chống ma túy và thực hiện công tác cai nghiện ma túy hoàn thành chỉ tiêu cai nghiện ma túy năm 2023. Tổ chức tuyên truyền công tác cai nghiện và quản lý sau cai nghiện cho trên 700 người ở xóm, tổ dân phố thuộc 8 phường, xã; Hưởng ứng tháng hành động phòng, chống ma túy in, treo 84 băng rôn; In cấp 46.900 tờ rơi tuyên truyền công tác phòng, chống ma túy; Phối hợp Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Thái Nguyên tập huấn công tác cai nghiện ma túy cho Đội xã hội tình nguyện 32 phường, xã. Quản lý 100% người nghiện có mặt trên địa bàn. Cai nghiện ma túy bắt buộc đạt 172/110 lượt người, bằng 154% kế hoạch (vượt kế hoạch).

Triển khai hiệu quả Kế hoạch thực hiện phòng, chống mại dâm và hỗ trợ nạn nhân bị mua bán trở về năm 2023 trên địa bàn thành phố.

2.6.5. Công tác y tế, dân số, phòng, chống dịch.

Thực hiện công tác khám chữa bệnh, y tế dự phòng và chăm sóc sức khỏe nhân dân theo kế hoạch, chú trọng nâng cao chất lượng các dịch vụ y tế và tinh thần thái độ phục vụ người bệnh. Tiếp tục triển khai thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch bệnh, đặc biệt công tác phòng, chống dịch COVID-19, triển khai các đợt tiêm vắc xin phòng COVID-19 theo kế hoạch. Thành lập các Đoàn kiểm tra liên ngành, chuyên ngành của thành phố, tiến hành kiểm tra về an toàn thực phẩm tại Ban Chỉ đạo liên ngành an toàn thực phẩm phường, xã; cơ sở sản xuất chế biến, kinh doanh thực phẩm, bếp ăn tập thể trên địa bàn. Tiếp tục triển khai các nội dung trong Bộ tiêu chí Quốc gia về Y tế xã theo Quyết định số 1300/QĐ-BYT ngày 09/3/2023 của Bộ Y tế về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn đến năm 2030 tới các phường, xã.

2.6.6. Công tác dân tộc, tôn giáo

Chỉ đạo thực hiện công tác quản lý nhà nước về dân tộc, tôn giáo trên địa bàn theo đúng kế hoạch và quy định của pháp luật.

- *Công tác dân tộc:* Triển khai thực hiện các chính sách đối với đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn thành phố theo đúng quy định. Triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023 trên địa bàn thành phố.

- *Công tác tôn giáo*: Tăng cường công tác quản lý nhà nước tôn giáo trên địa bàn. Chỉ đạo các đơn vị, địa phương tăng cường tuyên truyền, vận động chức sắc, chức việc, tín đồ các tôn giáo chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; hướng dẫn thủ tục và điều kiện đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung đảm bảo theo đúng quy định của Luật Tín ngưỡng, tôn giáo và các văn bản hướng dẫn, không để diễn ra các hoạt động mê tín dị đoan, trục lợi về tâm linh ở các cơ sở thờ tự trên địa bàn thành phố.

(Nguồn: Báo cáo Kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2023. Nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội năm 2024)

II. ĐĂNG KÝ KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025

Để đáp ứng nhu cầu sử dụng đất cho các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh, quốc phòng, UBND thành phố xây dựng kế hoạch sử dụng đất năm 2025, cụ thể như sau:

1. Các công trình, dự án chuyển tiếp sang thực hiện năm 2025 của thành phố Thái Nguyên

Tổng diện tích các loại đất phân bổ năm 2025 là 872,61 ha

(Chi tiết tại phụ lục I kèm theo)

2. Danh mục chi tiết các công trình, dự án đăng ký mới kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của thành phố Thái Nguyên

Tổng diện tích thu hồi đất năm 2025 là 21,88 ha

(Chi tiết tại phụ lục II kèm theo)

3. Điều chỉnh tên, diện tích đối với công trình, dự án trên địa bàn thành phố Thái Nguyên

Điều chỉnh tên, diện tích đối với 09 công trình, dự án trên địa bàn thành phố Thái Nguyên

(Chi tiết tại phụ lục III kèm theo)

4. Đề nghị hủy bỏ kế hoạch sử dụng đất năm 2021, năm 2022 và năm 2023 thành phố Thái Nguyên

Đề nghị hủy bỏ đối với 53 công trình, dự án trên địa bàn thành phố Thái Nguyên do đã quá 3 năm chưa thực hiện theo quy định.

(Chi tiết tại phụ lục IV kèm theo)

III. GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

- Thực hiện công bố, công khai tại trụ sở cơ quan, trên cổng thông tin điện tử của UBND thành phố Thái Nguyên và công bố, công khai nội dung kế hoạch sử dụng đất năm 2025 thành phố Thái Nguyên có liên quan đến xã, phường tại trụ sở UBND cấp xã sau khi được phê duyệt.

- Tiếp tục đôn đốc các tổ chức, đơn vị hoàn thành kế hoạch sử dụng đất đã đăng ký và được phê duyệt năm 2024;

- Đối với các công trình, dự án có sử dụng đất trồng lúa khi được cấp có thẩm quyền cho phép chuyển mục đích, phải lập phương án sử dụng lớp đất mặt và

bù bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa do bị mất khi chuyển mục đích, hoặc nộp kinh phí để tổ chức thực hiện phương án theo hướng dẫn của tỉnh.

- Tăng cường công tác chỉ đạo, tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất; có các giải pháp đồng bộ huy động tối đa các nguồn vốn để thực hiện các công trình dự án; có trách nhiệm phối hợp, chỉ đạo trong công tác bồi thường, GPMB, tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư để triển khai thực hiện dự án đảm bảo đúng các quy trình, quy định của Nhà nước, đưa đất vào sử dụng đúng tiến độ dự án đã được duyệt.

- Chủ đầu tư của các công trình, dự án không sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước cần bố trí đủ nguồn vốn, thực hiện tốt các cơ chế chính sách trong việc thu hồi, bồi thường hỗ trợ tái định cư đã ban hành nhằm đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng các dự án để sớm triển khai đầu tư xây dựng và đi vào hoạt động, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn tỉnh.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, đôn đốc và giám sát việc triển khai thực hiện các công trình, dự án nhằm đảm bảo việc sử dụng đất theo đúng kế hoạch được duyệt.

- Đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, tăng cường rà soát các quy trình thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai, nhằm giảm bớt thủ tục không cần thiết. Hoàn thiện, nâng cao năng lực của bộ máy quản lý Nhà nước về đất đai để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thành phố về công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

IV. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

- Đăng ký kế hoạch sử dụng đất 2025 được lập theo đúng Luật Đất đai năm 2024; Nghị định 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa; Thông tư số 08/2024/TT-BTNMT ngày 31/7/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất; Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; Thông tư số 11/2021/TT-BTNMT ngày 06/8/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc Ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

- Đã xuất phát từ thực tế sử dụng đất hiện nay của thành phố; nghiên cứu sử dụng các nguồn tài liệu, số liệu, bản đồ của các ngành, các cấp về tình hình sử dụng đất và đánh giá tài nguyên đất đai.

- Quá trình xây dựng kế hoạch sử dụng đất có sự tham gia của tất cả các đơn vị trong thành phố Thái Nguyên, các chủ dự án và sự tham gia của các xã, phường trên địa bàn thành phố.

- Đăng ký kế hoạch sử dụng đất năm 2025 đã phân phối đất đai hợp lý trên cơ sở quỹ đất hiện có, đáp ứng được yêu cầu sử dụng đất của các ngành, các lĩnh

vực, các dự án đảm bảo quốc phòng, an ninh, phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố hướng sử dụng đất bền vững.

2. Kiến nghị

- Đề nghị UBND tỉnh Thái Nguyên phê duyệt đăng ký kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của thành phố Thái Nguyên để thành phố có căn cứ thực hiện hiệu quả công tác quản lý, sử dụng đất đai theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

- Đề nghị các Sở, ban, ngành của tỉnh thường xuyên chỉ đạo, hướng dẫn UBND thành phố trong việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất được duyệt.

- Đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo các ngành chức năng của tỉnh tăng cường công tác kiểm tra, giám sát các chủ đầu tư được UBND tỉnh giao đất, cho thuê đất để kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm đối với những trường hợp chậm đưa đất vào sử dụng, sử dụng đất sai mục đích hoặc sử dụng đất không có hiệu quả.

- Đề nghị UBND tỉnh tăng cường bổ sung kinh phí, đồng thời tạo điều kiện cho thành phố tiếp cận những nguồn vốn ưu đãi để đảm bảo kinh phí thực hiện các công trình, dự án trong kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của thành phố được thực hiện đúng tiến độ, thời gian./.

PHỤ LỤC

Phụ lục I

DANH MỤC CHI TIẾT CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP SANG THỰC HIỆN NĂM 2025 CỦA THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN

STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)				
				Đất trồng lúa	Đất rừng sản xuất	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
1	THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN		872.61	323.72	53.65	0.00	0.00	495.24
1	Khu tái định cư phục vụ mở rộng khai trường sản xuất của công ty than Khánh Hòa	Phường Tân Long, TPTN	3.06	1.84	0.00			1.22
2	Khu dân cư 11B, phường Tân Lập	Phường Tân Lập, TPTN	1.31	0.00	1.27			0.04
3	Xây dựng hạ tầng khu tái định cư tại khu dân cư xóm Tân Thành, phường Đồng Bầm	Phường Đồng Bầm, TPTN	1.82	1.20				0.62
4	Khu dân cư đường Bắc Sơn kéo dài	Phường Quang Trung, TPTN	0.95	0.00				0.95
5	Khu dân cư tổ dân phố Nhị Hòa, phường Đồng Bầm, thành phố Thái Nguyên	Phường Đồng Bầm, TPTN	6.50	3.04				3.46
6	Khu dân cư tổ 14 (Khu nhà ở Thăng Long), phường Túc Duyên	Phường Túc Duyên, TPTN	0.17	0.17				0.00
		Phường Gia Sàng, TPTN	0.26	0.00				0.26
		Phường Phan Đình Phùng, TPTN	0.10	0.00				0.10
7	Khu dân cư số 11, phường Gia Sàng (giáp Khu dân cư Kosy Gia Sàng)	Phường Gia Sàng, TPTN	6.02	1.46				4.56
8	Khu dân cư Kosy Gia Sàng	Phường Gia Sàng, TPTN	7.17	2.49				4.68
9	Khu dân cư tổ 13, phường Túc Duyên	Phường Túc Duyên, TPTN	6.44	4.64				1.80
		Phường Gia Sàng, TPTN	1.25	0.00				1.25
10	Khu dân cư đường Lưu Nhân Chú, phường Hương Sơn, thành phố Thái Nguyên (giai đoạn 2)	Phường Hương Sơn, thành phố Thái Nguyên	1.00	0.52				0.48
11	Khu dân cư số 5 đường Việt Bắc, phường Tân Lập, thành phố Thái Nguyên (giai đoạn 1)	Phường Phú Xá, thành phố Thái Nguyên	0.21	0.04				0.17
		Phường Tân Lập, thành phố Thái Nguyên	5.41	0.51	1.28			3.62
12	Khu dân cư đường Bắc Sơn kéo dài (đoạn từ đường cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên đến xóm Cây Xanh, xã Quyết Thắng, thành phố Thái Nguyên) bên trái tuyến	Phường Thịnh Đán, TPTN	0.70	0.00	0.10			0.60
13	Đầu tư xây dựng Khu liên hợp trung tâm hội chợ xúc tiến thương mại ngành xây dựng kết hợp khu ở cao cấp - Picenza Plaza Thái Nguyên	Phường Đồng Bầm, TPTN	2.69	0.00				2.69
14	Đầu tư xây dựng Khu liên hợp trung tâm hội chợ xúc tiến thương mại ngành xây dựng kết hợp khu ở cao cấp Picenza Thái Nguyên 2	Phường Đồng Bầm, TPTN	0.26	0.13				0.13
15	Xây dựng Khu phố châu Âu bên bờ sông Cầu	Phường Đồng Bầm, TPTN	3.39	0.48				2.91

STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)				
				Đất trồng lúa	Đất rừng sản xuất	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
16	Khu nhà ở Cao Ngạn, thành phố Thái Nguyên	Phường Chùa Hang, TPTN	5.76	0.00				5.76
17	Khu dân cư liền kề phường Hương Sơn, thành phố Thái Nguyên	Phường Hương Sơn, TPTN	4.07	1.74				2.33
18	Khu đô thị Nam sông Cầu	Phường Quang Vinh, TPTN	45.48	28.14				17.35
19	Khu dân cư hồ điều hòa Xương Rồng	Phường Phan Đình Phùng, TPTN	2.00	0.00				2.00
20	Khu đô thị mới, phố đi bộ Trung tâm thành phố Thái Nguyên	Phường Trung Vương, TPTN	6.65	0.00				6.65
21	Xây dựng hoàn thiện hạ tầng Khu dân cư phường Tân Thịnh, Quang Trung, xã Quyết Thắng, thành phố Thái Nguyên	Phường Tân Thịnh, TPTN	0.35	0.05				0.30
		Phường Quang Trung, TPTN	0.45	0.02				0.43
22	Khu đô thị mới số 2 Thịnh Đán - Quyết Thắng, thành phố Thái Nguyên	Phường Thịnh Đán, TPTN	2.41	1.85	0.11			0.45
23	Khu tái định cư liên tổ 13, 19, 23 phường Phú Xá, thành phố Thái Nguyên	Phường Phú Xá, TPTN	7.85	5.05				2.80
24	Khu tái định cư số 4 phường Tân Lập	Phường Tân Lập, TPTN	9.48	5.61				3.87
25	Khu tái định cư số 5 phường Tân Lập	Phường Tân Lập, TPTN	7.79	2.48	0.74			4.57
26	Khu dân cư 11A phường Tân Lập	Phường Tân Lập, TPTN	0.34	0.24				0.10
27	Khu tái định cư liên tổ 19+20 phường Trung Thành	Phường Trung Thành, TPTN	5.00	2.30				2.70
28	Khu dân cư số 6 phường Thịnh Đán	Phường Thịnh Đán, TPTN	0.85	0.30				0.55
29	Khu dân cư số 10 phường Thịnh Đán	Phường Thịnh Đán, TPTN	0.50	0.05				0.45
30	Khu dân cư số 1 đường Việt Bắc	Phường Tân Lập, TPTN	4.25	0.20	0.50			3.55
		Phường Phú Xá, TPTN	1.46	0.87				0.59
31	Mở rộng khu dân cư số 1 đường Việt Bắc phường Tân Lập	Phường Tân Lập, TPTN	6.32	0.88	0.90			4.54
32	Khu dân cư số 2 đường Việt Bắc phường Tân Lập	Phường Tân Lập, TPTN	4.81	0.25	0.85			3.71
33	Khu dân cư số 3 đường Việt Bắc, phường Tân Lập	Phường Tân Lập, TPTN	4.40	0.50	0.03			3.87
34	Khu tái định cư tổ 3, phường Tân Lập	Phường Tân Lập, TPTN	2.82	0.50	0.10			2.22
35	Xây dựng khu tái định cư thuộc tổ 38, phường Quang Trung, thành phố Thái Nguyên (giai đoạn 1)	Phường Quang Trung, TPTN	0.10	0.00				0.10
36	Xây dựng khu tái định cư thuộc tổ 38, phường Quang Trung, thành phố Thái Nguyên (giai đoạn 2)	Phường Quang Trung, TPTN	0.05	0.00				0.05
37	Hạ tầng Khu tái định cư thực hiện xây dựng hạng mục cầu Bến tợng thuộc Chương trình đô thị miền núi phía bắc - thành phố Thái Nguyên giai đoạn II tại khu tái định cư số 2 trường Đại học Việt Bắc	Phường Đồng Bầm, TPTN	0.70	0.39				0.31
38	Khu nhà ở số 6 phường Tân Lập, thành phố Thái Nguyên	Phường Tân Lập, TPTN	6.57	1.62	0.23			4.72
39	Khu đô thị Viettime, phường Túc Duyên, thành phố Thái Nguyên	Phường Túc Duyên, TPTN	4.37	3.10				1.27

STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)				
				Đất trồng lúa	Đất rừng sản xuất	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
40	Khu đô thị phường Tân Lập - phường Thịnh Đán, thành phố Thái Nguyên (Khu số 2)	Phường Thịnh Đán, TPTN	6.20	0.87	2.31			3.02
41	Khu dân cư đường Bắc Sơn kéo dài (đoạn từ đường cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên đến xóm Cây Xanh, xã Quyết Thắng, thành phố Thái Nguyên) bên phải tuyến	Phường Thịnh Đán, TPTN	0.20	0.00				0.20
42	Khu đô thị thuộc Khu trung tâm số 6 thành phố Thái Nguyên	Phường Phú Xá, TPTN	113.74	38.84	1.10			73.80
		Phường Trung Thành, TPTN	26.03	6.99	1.03			18.01
43	Khu đô thị Bắc Đại học Thái Nguyên	Phường Quang Trung, TPTN	0.16	0.00				0.16
		Phường Quang Vinh, TPTN	32.21	19.46	0.03			12.73
		Phường Quan Triều, TPTN	17.55	15.07				2.47
44	Khu dân cư 7C	Phường Túc Duyên, TPTN	4.44	3.95				0.49
45	Khu dân cư phường Thịnh Đán - Quyết Thắng	Phường Thịnh Đán, TPTN	0.12	0.12				0.00
46	Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị kết nối khu Di tích lịch sử Thanh niên Xung phong Đại đội 915 và Trung tâm hoạt động Thanh thiếu niên	Phường Gia Sàng, TPTN	0.31	0.00				0.31
47	Khu dân cư số 8 Túc Duyên (giai đoạn 2)	Phường Túc Duyên, TPTN	1.12	0.03				1.10
48	Xây dựng hạ tầng khu tái định cư tại Khu dân cư số 8, phường Túc Duyên, thành phố Thái Nguyên (Giai đoạn 1)	Phường Túc Duyên, TPTN	0.15	0.00				0.15
49	Khu dân cư số 12, phường Gia Sàng	Phường Gia Sàng, TPTN	1.78	0.26				1.52
50	Xây dựng hạ tầng Khu dân cư tại tổ 4, phường Tân Lập	Phường Tân Lập, TPTN	0.51	0.00				0.51
51	Cải tạo, nâng cấp đường Thanh niên xung phong và Khu dân cư hai bên đường	Phường Phú Xá, TPTN	3.79	0.88				2.91
		Phường Tân Lập, TPTN	13.54	2.70	0.01			10.83
52	Khu đô thị phường Phan Đình Phùng (để đấu giá quyền sử dụng đất lựa chọn nhà đầu tư)	Phường Phan Đình Phùng, TPTN	1.01	0.00				1.01
53	Đấu giá quyền sử dụng đất ở đô thị (thửa đất nhỏ lẻ, thửa 114 tờ BĐ số 12, phường Đồng Bầm)	Phường Đồng Bầm, TPTN	0.02	0.00				0.02
54	Đấu giá quyền sử dụng đất ở đô thị (thửa đất nhỏ lẻ, thửa 559 tờ BĐ số 37 và thửa 560, tờ BĐ số 37 phường Phan Đình Phùng)	Phường Phan Đình Phùng, TPTN	0.06	0.00				0.06
55	Đấu giá quyền sử dụng đất ở đô thị tại phường Tân Long	Phường Tân Long, TPTN	0.37	0.18				0.18

STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)				
				Đất trồng lúa	Đất rừng sản xuất	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
56	Xây dựng hạ tầng kết nối Khu dân cư Đội xe vận phòng Công ty Gang Thép với Khu dân cư Lưu Nhân Chú (Giải quyết đơn của công dân)	Phường Hương Sơn, TPTN	0.07	0.01				0.06
57	Khu dân cư Đội Yên Ngựa, phường Quang Trung, thành phố Thái Nguyên	Phường Quang Trung, TPTN	0.10	0.00				0.10
58	Khu dân cư 1,3,4 và Khu dân cư số 5 Đồng Quang	Phường Đồng Quang, TPTN	0.50	0.18				0.32
59	Khu dân cư Havico, phường Đồng Quang, thành phố Thái Nguyên	Phường Đồng Quang, TPTN	8.69	3.01				5.68
60	Khu dân cư tổ 4, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên	Phường Phan Đình Phùng, TPTN	1.29	0.10				1.18
61	Khu dân cư số 9, phường Thịnh Đán	Phường Thịnh Đán, TPTN	1.77	0.58				1.19
62	Hoàn thiện hạ tầng khu tái định cư số 3, phường Quang Trung, thành phố Thái Nguyên	Phường Quang Trung, TPTN	0.005	0.000				0.005
63	Khu tái định cư số 1, xóm Trung Thành, xã Quyết Thắng	Xã Quyết Thắng, TPTN	1.26	0.22				1.04
64	Khu dân cư Quyết Thắng - Phúc Xuân	Xã Quyết Thắng, TPTN	5.03	1.30				3.73
		Xã Phúc Xuân, TPTN	1.49	0.08				1.41
65	Khu tái định cư số 1 Sơn Cẩm	Xã Sơn Cẩm, TPTN	5.72	1.53	0.50			3.69
66	Khu tái định cư số 2 Sơn Cẩm	Xã Sơn Cẩm, TPTN	4.33	0.86	1.32			2.15
67	Đầu tư xây dựng Khu dân cư số 1, xã Quyết Thắng, thành phố Thái Nguyên (bổ sung phần còn lại)	Xã Quyết Thắng, TPTN	0.90	0.38				0.52
68	Xây dựng Khu tái định cư số 1, 2 xóm Trung Tâm, xã Phúc Xuân	Xã Phúc Xuân, TPTN	2.50	0.85	0.18			1.47
69	Khu dân cư số 3, xã Huống Thượng	Xã Huống Thượng, TPTN	5.19	0.80	0.17			4.22
70	Khu đô thị Thành Nam	Xã Quyết Thắng, TPTN	37.67	14.20	0.34			23.13
71	Khu nhà ở Cao Ngạn, thành phố Thái Nguyên	Xã Cao Ngạn, TPTN	0.36	0.00				0.36
72	Khu đô thị mới Linh Sơn - Huống Thượng (khu số 1)	Xã Huống Thượng, TPTN	71.85	44.75	5.81			21.29
73	Khu đô thị mới Linh Sơn – Huống Thượng, thành phố Thái Nguyên (Khu số 2)	Xã Huống Thượng, TPTN	40.25	32.21				8.04
74	Khu dân cư số 2 Quyết Thắng	Xã Quyết Thắng, TPTN	9.00	3.90	0.20			4.90
75	Khu dân cư đường Bắc Sơn kéo dài (đoạn từ đường cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên đến xóm Cây Xanh, xã Quyết Thắng, thành phố Thái Nguyên) bên trái tuyến	Xã Quyết Thắng, TPTN	0.04	0.04				0.00
76	Khu dân cư đường Bắc Sơn kéo dài (đoạn từ đường cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên đến xóm Cây Xanh, xã Quyết Thắng, thành phố Thái Nguyên) bên phải tuyến	Xã Quyết Thắng, TPTN	0.01	0.00				0.01

STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)				
				Đất trồng lúa	Đất rừng sản xuất	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
77	Khu dân cư đường Bắc Sơn kéo dài (đoạn từ xóm Cây xanh, xã Quyết Thắng đến xóm Cao Trăng, xã Phúc Xuân, thành phố Thái Nguyên) bên trái tuyến	Xã Quyết Thắng, TPTN	3.30	0.50				2.80
		Xã Phúc Xuân, TPTN	3.22	0.72				2.50
78	Khu dân cư đường Bắc Sơn kéo dài (đoạn từ xóm Cây xanh, xã Quyết Thắng đến xóm Cao)	Xã Phúc Xuân, TPTN	5.90	1.83				4.07
		Xã Quyết Thắng, TPTN	1.22	0.00				1.22
79	Khu tái định cư số 1, xã Cao Ngạn, thành phố Thái Nguyên (giai đoạn I)	Xã Cao Ngạn, TPTN	4.90	1.00	0.30			3.60
80	Khu tái định cư số 1, xã Cao Ngạn, thành phố Thái Nguyên (giai đoạn II)	Xã Cao Ngạn, TPTN	3.02	0.80	0.06			2.16
81	Khu đô thị mới số 2 Thịnh Đán - Quyết Thắng, thành phố Thái Nguyên	Xã Quyết Thắng, TPTN	5.84	3.97				1.87
82	Khu đô thị số 1 xã Huống Thượng	Xã Huống Thượng, TPTN	12.59	10.74				1.85
83	Xây dựng hoàn thiện hạ tầng Khu dân cư phường Tân Thịnh, Quang Trung, xã Quyết Thắng, thành phố Thái Nguyên	Xã Quyết Thắng, TPTN	0.24	0.01				0.23
84	Khu dân cư phường Thịnh Đán - Quyết Thắng	Xã Quyết Thắng, TPTN	7.29	3.91				3.38
85	Tiêu Dự án bồi thường GPMB phục vụ xây dựng, chỉnh trang khu dân cư nông thôn xóm Ao Vàng, xã Cao Ngạn (bao gồm cả Giai đoạn I)	Xã Cao Ngạn, TPTN	3.71	1.67				2.04
86	Xây dựng Trụ sở Bảo hiểm xã hội tỉnh Thái Nguyên	Phường Đồng Bầm, TPTN	0.13	0.00				0.13
87	Trụ sở UBND phường Hoàng Văn Thụ (để giao đất)	Phường Hoàng Văn Thụ, TPTN	2.26	0.00				2.26
88	Trụ sở Liên đoàn Lao động tỉnh Thái Nguyên	Phường Phan Đình Phùng, TPTN	0.36	0.00				0.36
89	Doanh trại Ban chỉ huy quân sự thành phố Thái Nguyên, xã Quyết Thắng	Xã Quyết Thắng, TPTN	4.30	0.40	2.24			1.66
90	Trường bắn, thao trường huấn luyện Lữ đoàn 382/Quân khu 1	Xã Thịnh Đức, TPTN	1.81	0.50	1.15			0.16
91	Xây dựng một số hạng mục phục vụ diễn tập phòng thủ tại căn cứ chiến đấu 02 thành phố Thái Nguyên	Xã Tân Cương, TPTN	1.32	0.00	1.20			0.12
92	Trụ sở Công an xã Quyết Thắng	Xã Quyết Thắng, TPTN	0.08	0.00				0.08
93	Trụ sở Công an xã Sơn Cẩm	Xã Sơn Cẩm, TPTN	0.12	0.00				0.12
94	Xây dựng Trụ sở Công an xã Thịnh Đức	Xã Thịnh Đức, TPTN	0.10	0.00				0.10
95	Trụ sở Công an xã Tân Cương	Xã Tân Cương, TPTN	0.13	0.00				0.13
96	Trụ sở Công an xã Đồng Liên	Xã Đồng Liên, TPTN	0.12	0.00				0.12
97	Trụ sở Công an xã Phúc Trìu	Xã Phúc Trìu, TPTN	0.11	0.00				0.11
98	Trụ sở Công an xã Phúc Xuân	Xã Phúc Xuân, TPTN	0.20	0.00				0.20
99	Nhà văn hóa tổ 5	Phường Trưng Thành, TPTN	0.08	0.00				0.08

STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)				
				Đất trồng lúa	Đất rừng sản xuất	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
100	Cải tạo, sửa chữa và xây dựng một số hạng mục phục vụ hoạt động của Nhà thiếu nhi Thái Nguyên	Phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên	0.03	0.00				0.03
101	Trung tâm văn hóa thể thao phường Tân Long	Phường Tân Long, TPTN	0.29	0.00				0.29
102	Trung tâm văn hóa thể thao phường Tân Thành	Phường Tân Thành, TPTN	0.15	0.00				0.15
103	Tu bổ, tôn tạo và mở rộng Khu lưu niệm truyền thống tướng liệt sỹ Trung đoàn 88 - Tu Vũ, Sư đoàn 308 - Quân Tiên phong	Xã Tân Cương, TPTN	0.08	0.08				0.00
104	Xây dựng khối nhà 2 tầng 6 phòng chức năng và các hạng mục phụ trợ Trạm y tế xã Sơn Cẩm, thành phố Thái Nguyên	Xã Sơn Cẩm, TPTN	0.03	0.00				0.03
105	Trạm y tế phường Phan Đình Phùng	Phường Phan Đình Phùng, TPTN	0.04	0.00				0.04
106	Trạm y tế phường Tân Thành	Phường Tân Thành, TPTN	0.10	0.00				0.10
107	Trạm y tế phường Hoàng Văn Thụ	Phường Hoàng Văn Thụ, TPTN	0.02	0.00				0.02
108	Trường mầm non Cam Giá (Phân hiệu 2). Hạng mục: Sân nền, nhà lớp học 2 tầng 6 phòng và các hạng mục phụ trợ	Phường Cam Giá, TPTN	0.51	0.00				0.51
109	Xây dựng khối nhà 3 tầng 9 phòng học, phòng hiệu bộ và các hạng mục phụ trợ Trường Mầm non Thịnh Đức, thành phố Thái Nguyên	Xã Thịnh Đức, TPTN	0.02	0.00				0.02
110	Xây dựng kệ chống sạt lở Trường mầm non Tân Thành, phường Tân Thành, thành phố Thái Nguyên	Phường Tân Thành, TPTN	0.02	0.00				0.02
111	Trường mầm non Phúc Trìu	Xã Phúc Trìu, TPTN	0.33	0.00				0.33
112	Mở rộng Trường Mầm non Quyết Thắng	Xã Quyết Thắng, TPTN	0.17	0.00	0.15			0.02
113	Mở rộng Trường Mầm non Hương Sơn	Phường Trung Thành, TPTN	0.19	0.00				0.19
114	Trường mầm non Phúc Xuân	Xã Phúc Xuân, TPTN	0.36	0.00				0.36
115	Trường THCS Tân Thịnh, thành phố Thái Nguyên	Phường Tân Thịnh, TPTN	0.64	0.00				0.64
116	Trường Mầm non Quang Trung	Phường Quang Trung, TPTN	0.40	0.00				0.40
117	Xây dựng trường mầm non Hương Sơn	Phường Hương Sơn, TPTN	0.63	0.08				0.55
118	Trường THCS Nguyễn Du	Phường Hoàng Văn Thụ, TPTN	0.73	0.00				0.73
119	Trường Mầm non Gia Sàng	Phường Gia Sàng, TPTN	0.26	0.00				0.26
120	Trường Trung cấp nghề Thái Nguyên	Phường Phan Đình Phùng, TPTN	0.24	0.00				0.24
121	Trung tâm đào tạo và sát hạch lái xe Việt Mỹ	Xã Sơn Cẩm, TPTN	5.74	2.56	1.04			2.15
122	Trung tâm Dạy nghề và Hỗ trợ nông dân tỉnh Thái Nguyên	Xã Quyết Thắng, TPTN	1.33	1.13				0.20
123	Trụ sở làm việc của Trung tâm Công nghệ Thông tin tài nguyên và môi trường	Phường Trung Vương, TPTN	0.14	0.00				0.14

STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)				
				Đất trồng lúa	Đất rừng sản xuất	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
124	Xây dựng Kho lưu trữ chuyên dụng của tỉnh và Trụ sở làm việc Trung tâm lưu trữ lịch sử tỉnh Thái Nguyên	Phường Phan Đình Phùng, TPTN	0.27	0.00				0.27
125	Văn phòng đại diện Bảo Nhân dân tại Thái Nguyên	Phường Phan Đình Phùng, TPTN	0.03	0.00				0.03
126	Cơ quan thường trú Thông tấn xã Việt Nam tại Thái Nguyên	Phường Phan Đình Phùng, TPTN	0.03	0.00				0.03
127	Nhà khách Văn phòng UBND tỉnh Thái Nguyên	Phường Trưng Vương, TPTN	0.24	0.00				0.24
128	Cụm Công nghiệp Sơn Cầm 1	Xã Sơn Cầm, TPTN	18.96	1.45	1.92			15.59
129	Cụm công nghiệp Sơn Cầm 2	Xã Sơn Cầm, TPTN	29.74	9.31	6.07			14.36
130	Cụm Công nghiệp Sơn Cầm 3	Xã Sơn Cầm, TPTN	28.63	2.42				26.21
131	Tổ hợp Tài chính, Thương mại dịch vụ và Khách sạn Thái Hưng (THAI HUNG COMPLEX TOWER)	Phường Phan Đình Phùng, TPTN	0.13	0.00				0.13
132	Trụ sở làm việc Chi hánh Ngân hàng phát triển khu vực Bắc Kạn - Thái Nguyên	Phường Phan Đình Phùng, TPTN	0.11	0.00				0.11
133	Khu sinh thái An Bình	Xã Thịnh Đức, TPTN	8.39	0.00				8.39
134	Khai thác lộ thiên mỏ Khánh Hòa - hạng mục mở rộng bãi thải Nam phục vụ đổ thải đất đá và mở rộng sân than	Xã Phúc Hà, TPTN	21.87	2.07	0.93			18.86
135	Khai thác lộ thiên mỏ Khánh Hòa - hạng mục: phía Nam bãi thải Tây (khu vực xóm Nam Tiền, xã Phúc Hà)	Xã Phúc Hà, TPTN	4.31	0.18	0.44			3.69
136	Khai thác lộ thiên mỏ Khánh Hòa - hạng mục mở rộng Bắc khai trường phục vụ sản xuất	Xã Sơn Cầm, TPTN	10.56	2.75	0.93			6.88
		Phường Tân Long, TPTN	0.11	0.00	0.11			0.00
		Xã Phúc Hà, TPTN	0.39	0.00				0.39
137	Khai thác mỏ đất làm vật liệu san lấp tại khu vực các xóm: Nhân Hòa, Làng Mọn, Đức Hòa, xã Thịnh Đức	Xã Thịnh Đức, TPTN	11.98	0.00	10.69			1.29
		Phường Phú Xá, TPTN	0.72	0.00				0.72
138	Khai thác cát sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường bằng phương pháp lộ thiên tại mỏ cát sỏi khu vực sông Cầu, xã Hóa Thượng, xã Minh Lập, huyện Đông Hỷ; xã Vô Tranh, huyện Phú Lương và xã Sơn Cầm, xã Cao Ngạn, thành phố Thái Nguyên	Xã Cao Ngạn, TPTN	6.51	0.00				6.51
		Xã Sơn Cầm, TPTN	12.20	0.04	0.13			12.03
139	Đường Xuân Hòa kéo dài	Phường Túc Duyên, TPTN	0.62	0.20				0.42
		Phường Phan Đình Phùng, TPTN	0.60	0.00				0.60
140	Xây dựng tuyến đường vào trường THPT Chuyên Thái Nguyên (thuộc Khu dân cư số 5B, phường Túc Duyên)	Phường Túc Duyên, TPTN	1.55	1.25				0.30
141	Hoàn thiện đường Bắc Nam - Huống Thượng đoạn qua Khu dân cư tổ 14 phường Túc Duyên, thành phố Thái Nguyên	Phường Túc Duyên, TPTN	0.57	0.57				0.00
		Phường Gia Sàng, TPTN	0.13	0.00				0.13

STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)				
				Đất trồng lúa	Đất rừng sản xuất	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
142	Xây dựng tuyến đường quy hoạch phía sau trụ sở làm việc khối các cơ quan tỉnh Thái Nguyên	Phường Trung Vương, TPTN	0.41	0.00				0.41
143	Đầu tư xây dựng nút giao đường Thanh niên với đường Bắc Kạn	Phường Trung Vương	0.74	0.00				0.74
144	Đường Bắc Sơn kéo dài đoạn Km 0+00 đến Km 3+500	Phường Tân Thịnh	0.13	0.05				0.08
		Phường Thịnh Đán, TPTN	0.05	0.00				0.05
145	Đường Bắc Sơn kéo dài đoạn Km 3+500 (nút giao đường Tô Hữu) đến Km 9+500	Xã Quyết Thắng, TPTN	1.35	0.50				0.85
		Xã Phúc Xuân, TPTN	4.71	2.50				2.21
146	Nâng cấp đường Cù Vân - An Khánh - Phúc Hà	Xã Quyết Thắng, TPTN	0.07	0.00				0.07
147	Xây dựng hoàn trả hạ tầng Ga Lưu Xá tại tổ 3, phường Phú Xá	Phường Phú Xá, TPTN	0.33	0.00				0.33
148	Cải tạo, nâng cấp hệ thống vỉa hè, cây xanh và kết nối hạ tầng các khu dân cư nút giao Tân Lập, thành phố Thái Nguyên	Phường Tân Lập, TPTN	0.51	0.01				0.50
		Phường Tân Thịnh, TPTN	0.45	0.00	0.00			0.45
		Phường Thịnh Đán, TPTN	0.41	0.00				0.41
149	Hoàn thiện hạ tầng khu dân cư tổ 6 phường Đồng Quang, thành phố Thái Nguyên	Phường Đồng Quang, TPTN	0.06	0.00				0.05
150	Chỉnh trang, hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật đường Xuân Hòa	Phường Phan Đình Phùng, TPTN	0.01	0.00				0.01
151	Hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật tuyến đường Nguyễn Đình Chiểu	Phường Phan Đình Phùng, TPTN	0.02	0.00				0.02
152	Chỉnh trang đô thị khu vực đường Bến Tượng, phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên	Phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên	0.19	0.00				0.19
153	Chỉnh trang, hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật ngõ 392, đường Phan Đình Phùng	Phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên	0.01	0.00				0.01
154	Đường giao thông nông thôn xã Phúc Triu, giai đoạn 2024-2026	Xã Phúc Triu, TPTN	0.85	0.00	0.49			0.36
155	Đường du lịch ven Hồ Núi Cốc nối tuyến bờ Bắc Nam	Xã Phúc Xuân, TPTN	1.13	0.00	1.10			0.03
156	Hoàn thiện hạ tầng tuyến đường ngõ 100, đường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên	Phường Hoàng Văn Thụ, TPTN	0.04	0.00				0.04
157	Đầu tư xây dựng phát triển hệ thống cấp nước thành phố Thái Nguyên	Xã Phúc Triu, TPTN	2.63	0.00	2.63			0.00
158	Nhà máy cấp nước Sơn Cẩm	Xã Sơn Cẩm, TPTN	0.02	0.00				0.02
159	Dự án thành phần số 1: Sửa chữa cấp bách đảm bảo an toàn hồ Núi Cốc và hạ du, tỉnh Thái Nguyên, thuộc dự án Sửa chữa cấp bách đảm bảo an toàn hồ, đập chứa nước (hạng mục công trình: Cầu Đá Mài)	Xã Tân Cương, TPTN	1.48	0.00				1.48

STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)				
				Đất trồng lúa	Đất rừng sản xuất	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
160	Dự án thành phần số 1: Sửa chữa cấp bách đảm bảo an toàn hồ Núi Cốc và hạ du, tỉnh Thái Nguyên, thuộc dự án Sửa chữa cấp bách đảm bảo an toàn hồ, đập chứa nước (hạng mục công trình: Kè chống sạt lở hai bên bờ sông Công - Đoạn 1)	Xã Tân Cương, TPTN	0.53	0.00				0.53
161	Kè chống lũ trên sông Cầu bảo vệ phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên và khu công nghiệp Gang Thép	Phường Cam Giá, TPTN	4.85	0.00				4.85
162	Xây dựng trạm xử lý nước thải phục vụ các khu dân cư đường Việt Bắc	Phường Phú Xá, TPTN	0.56	0.56				0.00
163	Đường dây và Trạm biến áp 110kV Gia Sàng	Phường Tân Lập, TPTN	0.821	0.650	0.010			0.161
		Phường Thịnh Đán, TPTN	0.090	0.000	0.090			0.000
164	Nâng cao hiệu quả lưới điện trung hạ áp khu vực thành phố Thái Nguyên (KFW3)	Phường Thịnh Đán, TPTN	0.009	0.002				0.007
		Phường Phú Xá, TPTN	0.009	0.002				0.007
		Phường Tân Lập, TPTN	0.009	0.002				0.007
		Phường Tích Lương, TPTN	0.009	0.002				0.007
		Phường Trung Thành, TPTN	0.009	0.002				0.007
		Xã Thịnh Đức, TPTN	0.009	0.002				0.007
165	Đường dây và Trạm biến áp 110kV Núi Cốc	Xã Thịnh Đức, TPTN	0.521	0.310	0.082			0.129
		Xã Tân Cương, TPTN	0.398	0.055	0.157			0.186
		Xã Phúc Trìu, TPTN	0.289	0.163	0.023			0.104
		Xã Phúc Xuân, TPTN	1.361	0.476	0.573			0.311
166	Cải tạo đường dây 110kV Thái Nguyên - Núi Pháo, tỉnh Thái Nguyên	Phường Quang Vinh, TPTN	0.026	0.020				0.006
		Phường Quan Triều, TPTN	0.050	0.000				0.050
		Xã Quyết Thắng, TPTN	0.028	0.000				0.028
		Xã Phúc Hà, TPTN	0.023	0.000				0.023
		Xã Phúc Xuân, TPTN	0.446	0.171	0.080			0.195
167	Tháp Anten truyền hình Thái Nguyên	Phường Gia Sàng, TPTN	1.56	0.00	0.66			0.90
168	Xây dựng cảnh quan phía sau Quảng trường Võ Nguyên Giáp, thành phố Thái Nguyên	Phường Trung Vương, TPTN	2.53	0.00				2.53
169	Hoàn thiện hạ tầng và khuôn viên cây xanh phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên	Phường Hoàng Văn Thụ, TPTN	0.41	0.00				0.41
170	Xây dựng cảnh quan cây xanh dọc 2 bên đường Khu dân cư đường Bắc Sơn kéo dài (trong đường Bắc Sơn)	Xã Phúc Xuân, TPTN	0.70	0.10	0.15			0.45
		Xã Quyết Thắng, TPTN	0.01	0.00				0.01
171	Xây dựng hạ tầng cảnh quan cây xanh khu dân cư số 11, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên	Phường Phan Đình Phùng, TPTN	1.38	0.00	1.02			0.35

STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)				
				Đất trồng lúa	Đất rừng sản xuất	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
172	Xây dựng, hoàn trả phần diện tích đất thu hồi của Giáo họ Nam Sơn, xã Linh Sơn, thành phố Thái Nguyên	Xã Linh Sơn, TPTN	0.30	0.00				0.30
173	Xây dựng hồ điều hòa tại khu dân cư số 2 đường Việt Bắc, phường Tân Lập	Phường Tân Lập, TPTN	1.76	1.00	0.10			0.66

Phụ lục II
DANH MỤC CHI TIẾT CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐĂNG KÝ MỚI KẾ
HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025 CỦA THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN

STT	Tên công trình dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Trong đó sử dụng từ loại đất (ha)				
				Đất trồng lúa	Đất rừng sản xuất	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác
I	THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN		21.88	4.44	0.75	5.06	1.54	10.09
1	Khu dân cư số 1, xã Sơn Cầm, thành phố Thái Nguyên	Xã Sơn Cầm, TPTN	5.42	3.90			0.07	1.45
2	Khu nghỉ dưỡng lão và du lịch sinh thái	Xã Phúc Xuân, TPTN	7.63		0.75	5.06	1.47	0.35
3	Khai thác cát sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường bằng phương pháp lộ thiên tại xã Tân Cương, xã Thịnh Đức, thành phố Thái Nguyên	Xã Tân Cương, TPTN	0.55					0.55
		Xã Thịnh Đức, TPTN	3.49					3.49
4	Xây dựng cầu đường bộ kết nối phường Hương Sơn và xã Đồng Liên, thành phố Thái Nguyên	Phường Hương Sơn, TPTN	3.20	0.31				2.89
		Xã Đồng Liên, TPTN	1.59	0.23				1.36
5	Xây dựng hệ thống công thoát nước ngõ 432, đường Bắc Kạn, phường Hoàng Văn Thụ	Phường Hoàng Văn Thụ, TPTN	0.01					0.01

Phụ lục III
Điều chỉnh tên, diện tích đối với 09 công trình, dự án trên địa bàn thành phố Thái Nguyên

Nghị quyết của HĐND tỉnh Thái Nguyên và Quyết định của UBND tỉnh Thái Nguyên đã phê duyệt								Nay điều chỉnh lại như sau								Nguyên nhân, lý do điều chỉnh
STT	Tên công trình, dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Sử dụng từ nhóm đất (ha)				STT	Tên công trình, dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Sử dụng từ nhóm đất (ha)				
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác					Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác	
A Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 11/12/2020 của HĐND tỉnh																
I Thành phố Thái Nguyên																
1	Khu dân cư Viettime Thái Nguyên, phường Túc Duyên	Phường Túc Duyên, TPTN	4.37	3.1		1.27	0.00	1	Khu đô thị Viettime, phường Túc Duyên, thành phố Thái Nguyên	Phường Túc Duyên, TPTN	4.37	3.1		1.27	0.00	Điều chỉnh tên dự án để phù hợp với Quyết định số 1300/QĐ-UBND ngày 26/04/2021 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc Kết quả lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án: Khu đô thị Viettime, phường Túc Duyên, thành phố Thái Nguyên
2	Khu dân cư số 2 đường Việt Bắc, phường Tân Lập	Phường Tân Lập, TPTN	5.80	4.13		1.20		2	Khu dân cư số 2 đường Việt Bắc, phường Tân Lập	Phường Tân Lập, TPTN	6.26		1.20		5.06	Điều chỉnh tăng diện tích dự án từ 5,8 ha thành 6,26 ha để phù hợp với quy mô trong điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất thành phố Thái Nguyên thời kỳ 2021-2030 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3237/QĐ-UBND ngày 20/12/2023, HĐND thành phố điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án tại Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 19/12/2023
3	Mở rộng Bắc khai trường phục vụ sản xuất	Xã Sơn Cẩm, xã Phúc Hà, phường Tân Long TPTN	14.64	1.34			13.30	3	Khai thác lộ thiên mỏ Khánh Hòa - hạng mục mở rộng Bắc khai trường phục vụ sản xuất	Xã Sơn Cẩm, TPTN	14.07	2.89			11.18	Điều chỉnh tên và giảm diện tích dự án từ 14,64 ha thành 14,57 ha để phù hợp với Giấy chứng nhận đầu tư số 17121000047 ngày 11/12/2014 của UBND tỉnh Thái Nguyên; Quyết định số 1584/QĐ-TKV ngày 21/7/2014 của Tập đoàn than, khoáng sản Việt Nam về việc phê duyệt dự án đầu tư; Quyết định số 263/QĐ-HĐQT ngày 30/10/2018, Quyết định số 53/QĐ-HĐQT ngày 15/3/2021 của Tổng công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP về việc phê duyệt điều chỉnh phương án bồi thường GPMB mở rộng Bắc khai trường phục vụ sản xuất Công ty than Khánh Hòa - VVMI
										Phường Tân Long, TPTN	0.11			0.11		
										Xã Phúc Hà, TPTN	0.39			0.39		
4	Mở rộng bãi thải Nam xã Phúc Hà	Xã Phúc Hà, TPTN	19.50	1.46			18.04	4	Khai thác lộ thiên mỏ Khánh Hòa - hạng mục mở rộng bãi thải Nam phục vụ đổ thải đất đá và mở rộng sân than	Xã Phúc Hà, TPTN	21.87	2.07			19.80	Điều chỉnh tên và giảm diện tích dự án từ 23,54 ha thành 21,87 ha để phù hợp với Giấy chứng nhận đầu tư số 17121000047 ngày 11/12/2014 của UBND tỉnh Thái Nguyên; Quyết định số 1584/QĐ-TKV ngày 21/7/2014 của Tập đoàn than, khoáng sản Việt Nam về việc phê duyệt dự án đầu tư; Quyết định số 222/QĐ-HĐQT ngày 30/10/2019, Quyết định số 274/QĐ-HĐQT, ngày 31/12/2019; Quyết định số 87/QĐ-HĐQT ngày 21/4/2023; Quyết định số 269/QĐ-HĐQT ngày 29/12/2022 của Tổng công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP về việc phê duyệt điều chỉnh phương án bồi thường GPMB mở rộng bãi thải Nam phục vụ đổ thải đất đá và mở rộng sân than giai đoạn 1, giai đoạn 2
5	Mở rộng bãi thải Nam xã Phúc Hà	Xã Phúc Hà, TPTN	4.04	0.18			3.86									
6	Xây dựng kè chống lũ trên sông Cầu bảo vệ phường Cam Giá, TPTN	Phường Cam Giá, TPTN	2.37				2.37	5	Kè chống lũ trên sông Cầu bảo vệ phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên và khu công nghiệp Gang Thép	Phường Cam Giá, TPTN	4.85	0.00			4.85	Điều chỉnh tên và tăng diện tích dự án từ 2,37 ha thành 4,85 ha để phù hợp với quy mô trong điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất thành phố Thái Nguyên thời kỳ 2021-2030 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3237/QĐ-UBND ngày 20/12/2023, UBND tỉnh Thái Nguyên phê duyệt điều chỉnh Dự án tại Quyết định số 2458/QĐ-UBND ngày 09/8/2019

Nghị quyết của HĐND tỉnh Thái Nguyên và Quyết định của UBND tỉnh Thái Nguyên đã phê duyệt								Nay điều chỉnh lại như sau								Nguyên nhân, lý do điều chỉnh	
STT	Tên công trình, dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Sử dụng từ nhóm đất (ha)				STT	Tên công trình, dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích (ha)	Sử dụng từ nhóm đất (ha)					
				Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác					Đất trồng lúa	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng	Đất khác		
B Nghị quyết số 208/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh Thái Nguyên																	
I Thành phố Thái Nguyên																	
1	Khu dân cư Havico phường Đồng Quang	Phường Đồng Quang, TPTN	4.87	0.83			4.04	1	Khu dân cư Havico, phường Đồng Quang, thành phố Thái Nguyên	Phường Đồng Quang, TPTN	8.69	3.01			5.68	Điều chỉnh tên và tăng diện tích dự án từ 4,87 ha thành 8,69 ha để phù hợp với quy mô trong điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất thành phố Thái Nguyên thời kỳ 2021-2030 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3237/QĐ-UBND ngày 20/12/2023	
2	Khu dân cư tổ 4 phường Phan Đình Phùng	Phường Phan Đình Phùng, TPTN	2.13				2.13	2	Khu dân cư tổ 4, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên	Phường Phan Đình Phùng, TPTN	1.29	0.10			1.18	Điều chỉnh tên và tăng diện tích dự án từ 2,37 ha thành 4,85 ha để phù hợp với quy mô trong điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất thành phố Thái Nguyên thời kỳ 2021-2030 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3237/QĐ-UBND ngày 20/12/2023	
3	Khai thác lộ thiên mỏ Khánh Hòa - hạng mục hành lang an toàn bãi thải tại xóm Nam Tiên, xã Phúc Hà, thành phố Thái Nguyên	Xã Phúc Hà, TPTN	11.70	1.12			10.58	3	Khai thác lộ thiên mỏ Khánh Hòa - hạng mục: phía Nam bãi thải Tây (khu vực xóm Nam Tiên, xã Phúc Hà)	Xã Phúc Hà, TPTN	4.31	0.72			3.60	Điều chỉnh tên và giảm diện tích dự án từ 11,7 ha thành 4,31 ha để phù hợp với Giấy chứng nhận đầu tư số 17121000047 ngày 11/12/2014 của UBND tỉnh Thái Nguyên; Quyết định số 1584/QĐ-TKV ngày 21/7/2014 của Tập đoàn than, khoáng sản Việt Nam về việc phê duyệt dự án đầu tư; Quyết định số 251/QĐ-HĐQT ngày 31/8/2021 của Tổng công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP về việc phê duyệt phương án đôn bù GPMB phía Nam bãi thải Tây	

Phụ lục IV

ĐỀ NGHỊ HỦY BỎ KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2021, NĂM 2022 VÀ NĂM 2023 THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN
Đến nay đã quá 02 năm chưa thực hiện (chưa có quyết định thu hồi đất hoặc chưa được phép chuyển mục đích sử dụng đất)

Đơn vị tính: ha

STT	Tên công trình, dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích đã được phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2021	Diện tích đã được phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2022	Diện tích đã được phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2023	Diện tích đã có QĐ thu hồi đất hoặc đã cho phép CMD (tính đến 31/12/2024)	Diện tích đề nghị hủy bỏ (đối với dự án chưa có QĐ thu hồi đất hoặc chưa được phép CMD)	Ghi chú
1	THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN		182.58	1,151.81	91.90	25.12	1,136.73	
1	Dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật vùng sản xuất chè tập trung an toàn, chất lượng cao tỉnh Thái Nguyên (thuộc Đề án sản xuất chè công nghệ cao)	Xã Phúc Trìu, TPTN		0.12		0.00	0.12	DA chưa triển khai thực hiện quá 03 năm nên đề nghị hủy bỏ
2	Khu nhà ở số 1, phường Chùa Hang (thuộc Khu đất dự kiến hoàn vốn cho dự án đầu tư xây dựng hạ tầng Khu hành chính mới huyện Đồng Hỷ)	Phường Chùa Hang, TPTN		7.07		0.00	7.07	DA chưa triển khai thực hiện quá 03 năm nên đề nghị hủy bỏ
3	Khu nhà ở Anh Thắng - Đài Bắc (chuyển mục đích)	Phường Phan Đình Phùng, TPTN		0.88		0.00	0.88	DA đã được UBND tỉnh thu hồi đất nên đề nghị hủy bỏ
4	Khu dân cư mới phường Tân Thịnh	Phường Tân Thịnh, TPTN		2.00		0.00	2.00	DA chưa GPMB quá 03 năm nên đề nghị hủy bỏ
5	Khu nhà ở công nhân Gang Thép, phường Trung Thành,	Phường Trung Thành, TPTN		8.00		0.00	8.00	DA chưa triển khai thực hiện quá 03 năm nên đề nghị hủy bỏ
6	Khu đô thị mới Tích Lương	Phường Tích Lương, TPTN		287.02		0.00	287.02	DA chưa triển khai thực hiện quá 03 năm nên đề nghị hủy bỏ
7	Khu đô thị số 01 thuộc đồ án Khu đô thị Thịnh Đán – Quyết Thắng	Phường Thịnh Đán, TPTN		10.10				DA chưa triển khai thực hiện quá 03 năm nên đề nghị hủy bỏ
8	Khu đô thị số 02 thuộc đồ án Khu đô thị Thịnh Đán – Quyết Thắng	Phường Thịnh Đán, TPTN		6.28		0.00	6.28	DA chưa triển khai thực hiện quá 03 năm nên đề nghị hủy bỏ
9	Khu đô thị Hương Sơn	Phường Hương Sơn TPTN		39.56		0.00	39.56	DA chưa triển khai thực hiện quá 03 năm nên đề nghị hủy bỏ
10	Khu Tái định cư dự án xây dựng Sân vận động Thái Nguyên	Xã Quyết Thắng, TPTN		16.68		0.00	16.68	DA chưa triển khai thực hiện quá 03 năm nên đề nghị hủy bỏ
11	Khu đô thị mới Linh Sơn - Huống Thượng (khu số 3)	Xã Linh Sơn, TPTN		45.90		0.00	45.90	DA chưa triển khai thực hiện quá 03 năm nên đề nghị hủy bỏ
12	Khu đô thị mới Phúc Xuân	Xã Phúc Xuân, TPTN		96.36		0.00	96.36	DA chưa triển khai thực hiện quá 03 năm nên đề nghị hủy bỏ
13	Khu nhà ở Quyết Thắng, thành phố Thái Nguyên	Xã Quyết Thắng, TPTN		14.28		0.00	14.28	DA chưa triển khai thực hiện quá 03 năm nên đề nghị hủy bỏ
14	Khu dân cư Đồng Xe xã Sơn Cẩm	Xã Sơn Cẩm, TPTN		34.00		0.00	34.00	DA chưa triển khai thực hiện quá 03 năm nên đề nghị hủy bỏ
15	Khu đô thị mới Cao Ngạn, thành phố Thái Nguyên	Xã Cao Ngạn, TPTN		114.29		0.00	114.29	DA chưa triển khai thực hiện quá 03 năm nên đề nghị hủy bỏ
16	Xây dựng trụ sở Ban chỉ huy Quân sự xã Tân Cương	Xã Tân Cương, TPTN		0.13		0.00	0.13	DA chưa triển khai thực hiện quá 03 năm nên đề nghị hủy bỏ
17	Nhà văn hóa xóm Nam Đồng	Xã Tân Cương, TPTN		0.08			0.08	DA chưa triển khai thực hiện quá 03 năm nên đề nghị hủy bỏ
18	Bệnh viện đa khoa Trung tâm	Phường Phan Đình Phùng, TPTN		0.37			0.37	DA chưa triển khai thực hiện quá 03 năm nên đề nghị hủy bỏ

STT	Tên công trình, dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích đã được phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2021	Diện tích đã được phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2022	Diện tích đã được phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2023	Diện tích đã có QĐ thu hồi đất hoặc đã cho phép CMD (tính đến 31/12/2024)	Diện tích đề nghị hủy bỏ (đối với dự án chưa có QĐ thu hồi đất hoặc chưa được phép CMD)	Ghi chú
19	Xây dựng Trại thực nghiệm của Trung tâm Phát triển Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên	Xã Thịnh Đức, TPTN		3.82			3.82	DA chưa triển khai thực hiện, đã dừng chủ trương đầu tư nên đề nghị hủy bỏ
20	Tổ hợp Chợ truyền thống, trung tâm thương mại dịch vụ Gia Sàng (tên cũ là đầu tư xây dựng chợ Gia Sàng)	Phường Gia Sàng, TPTN		0.12			0.12	DA chưa triển khai thực hiện quá 03 năm nên đề nghị hủy bỏ
21	Đấu giá đất thương mại dịch vụ (thửa 157, tờ bản đồ 11 phường Tân Thành)	Phường Tân Thành, TPTN		0.01			0.01	DA chưa triển khai thực hiện đấu giá, quá 03 năm nên đề nghị hủy bỏ
22	Cửa hàng kinh doanh xăng dầu số 1	Phường Phan Đình Phùng, TPTN		0.08			0.08	DA chưa triển khai thực hiện quá 03 năm nên đề nghị hủy bỏ
23	Cửa hàng kinh doanh xăng dầu số 2	Phường Trung Thành, TPTN		0.10			0.10	DA chưa triển khai thực hiện quá 03 năm nên đề nghị hủy bỏ
24	Công viên giải trí gắn liền dịch vụ du lịch trải nghiệm có trách nhiệm bảo tồn thiên nhiên Eco Valley	Xã Phúc Trìu, TPTN		35.24		0.00	35.24	DA chưa triển khai thực hiện quá 03 năm nên đề nghị hủy bỏ
25	Khu giáo dục trải nghiệm và sản xuất nông nghiệp hữu cơ Eco Valley	Xã Phúc Trìu, TPTN		24.60		0.00	24.60	DA chưa triển khai thực hiện quá 03 năm nên đề nghị hủy bỏ
26	Trung tâm cung ứng vật liệu xây dựng, thiết bị vệ sinh, dịch vụ bể bơi Việt Bắc	Phường Thịnh Đán, TPTN		0.53			0.53	DA chưa triển khai thực hiện quá 03 năm nên đề nghị hủy bỏ
27	Đầu tư xây dựng tuyến đường gom bên trái cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên, đoạn từ nút giao Sông Công đến nút giao Thịnh Đán	Phường Thịnh Đán, TPTN		6.31		0.00	6.31	DA chưa triển khai thực hiện quá 03 năm nên đề nghị hủy bỏ
28	Cải tạo và xây dựng mới mạch vòng liên kết lộ 476 E6.4 với 474 E6.2, 473 E6.2 tại N-1	Phường Chùa Hang, phường Tân Long, xã Cao Ngạn, xã Sơn Cẩm, TPTN		0.04			0.04	DA chưa triển khai thực hiện quá 03 năm nên đề nghị hủy bỏ
29	Xây dựng mới, cải tạo các đường dây trung thế khu vực thành phố Thái Nguyên, thành phố Sông Công và huyện Đồng Hỷ (bổ sung)	Phường Đồng Bẩm, TPTN		0.07			0.07	DA chưa triển khai thực hiện quá 03 năm nên đề nghị hủy bỏ
30	Khu đô thị số 3 Đồng Bẩm, thành phố Thái Nguyên	Phường Đồng Bẩm, TPTN			12.58		12.58	DA chưa triển khai thực hiện quá 02 năm nên đề nghị hủy bỏ
31	Khu dân cư liên tổ 13, 14 phường Túc Duyên (thuộc Khu đô thị mới Túc Duyên)	Phường Túc Duyên, TPTN			2.33	0.00	2.33	DA chưa triển khai thực hiện quá 02 năm nên đề nghị hủy bỏ
32	Khu dân cư số 9 phường Gia Sàng, thành phố Thái Nguyên	Phường Gia Sàng, TPTN			0.10		0.10	DA chưa triển khai thực hiện quá 02 năm nên đề nghị hủy bỏ
33	Đấu giá đất ở đô thị tại Khu dân cư số 1, phường Gia Sàng	Phường Gia Sàng, TPTN			0.01		0.01	Chưa thực hiện đấu giá, quá 02 năm nên đề nghị hủy bỏ
34	Đấu giá đất ở đô thị tại Khu dân cư Lưu Nhân Chú, phường Hương Sơn	Phường Hương Sơn, TPTN			0.04		0.04	Chưa thực hiện đấu giá, quá 02 năm nên đề nghị hủy bỏ
35	Trụ sở làm việc của Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh và Trung tâm Dạy nghề 20-10 Phụ nữ tỉnh Thái Nguyên	Xã Quyết Thắng, TPTN			2.00		2.00	DA đã dừng chủ trương đầu tư thực hiện nên đề nghị hủy bỏ
36	Công viên giải trí gắn liền dịch vụ du lịch trải nghiệm có trách nhiệm bảo tồn thiên nhiên Eco Valley	Xã Phúc Trìu, TPTN			35.24		35.24	DA chưa triển khai thực hiện quá 02 năm nên đề nghị hủy bỏ

STT	Tên công trình, dự án sử dụng đất	Địa điểm (xã, phường, thị trấn, huyện)	Diện tích đã được phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2021	Diện tích đã được phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2022	Diện tích đã được phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2023	Diện tích đã có QĐ thu hồi đất hoặc đã cho phép CMD (tính đến 31/12/2024)	Diện tích đề nghị hủy bỏ (đối với dự án chưa có QĐ thu hồi đất hoặc chưa được phép CMD)	Ghi chú
37	Khu giáo dục trải nghiệm và sản xuất nông nghiệp hữu cơ Eco Valley	Xã Phúc Triu, TPTN			24.60		24.60	DA chưa triển khai thực hiện quá 02 năm nên đề nghị hủy bỏ
38	Đấu giá đất thương mại, dịch vụ tại thửa đất số 43, tờ BĐDC số 16, phường Quang Vinh	Phường Quang Vinh, TPTN			0.05		0.05	Thửa đất chưa thực hiện đấu giá, quá 02 năm nên đề nghị hủy bỏ
39	Đấu giá khu đất thể dục thể thao tại thửa đất số 6, tờ BĐDC số 9, phường Quang Vinh	Phường Quang Vinh, TPTN			0.53		0.53	Thửa đất chưa thực hiện đấu giá, quá 02 năm nên đề nghị hủy bỏ
40	Khai thác lộ thiên mỏ than Khánh Hòa - hạng mục mở rộng bãi thải Nam phục vụ đổ thải đất đá, xử lý chất thải tại xóm 1, xã Phúc Hà, thành phố Thái Nguyên	Xã Phúc Hà, TPTN			0.46		0.46	DA chưa triển khai thực hiện quá 02 năm nên đề nghị hủy bỏ
41	Đường gom Quốc lộ 3 mới đoạn từ nút giao Thịnh Đán đến đường Bắc Sơn	Phường Thịnh Đán, TPTN			1.17		1.17	DA chưa triển khai thực hiện quá 02 năm nên đề nghị hủy bỏ
42	Xuất tuyến trung áp 22kV sau Trạm biến áp 110kV Sông Công 2 E6.21	Phường Tích Lương, TPTN			0.01		0.01	DA chưa triển khai thực hiện quá 02 năm nên đề nghị hủy bỏ
43	Xuất tuyến trung áp lộ 1 sau Trạm biến áp 110kV Thịnh Đán E6.4	Phường Tân Thịnh, TPTN			0.06		0.06	DA chưa triển khai thực hiện quá 02 năm nên đề nghị hủy bỏ
44	Khu đô thị 10A phường Tân Lập	Phường Tân Lập, TPTN	2.69			0.00	2.69	DA chưa triển khai thực hiện quá 03 năm nên đề nghị hủy bỏ
45	Khu đô thị tổ 11 phường Túc Duyên	Phường Túc Duyên, TPTN	1.83			0.00	1.83	DA chưa triển khai thực hiện quá 03 năm nên đề nghị hủy bỏ
46	Khu dân cư tổ 7 phường Tân Lập	Phường Tân Lập, TPTN	14.40			0.00	14.40	DA chưa triển khai thực hiện quá 03 năm nên đề nghị hủy bỏ
47	Khu dân cư tổ 3, phường Phú Xá	Phường Phú Xá, TPTN	10.73			0.00	10.73	DA chưa triển khai thực hiện quá 03 năm nên đề nghị hủy bỏ
48	Khu đô thị mới số 2 Quyết Thắng	Xã Quyết Thắng, TPTN	40.58			0.00	40.58	DA chưa triển khai thực hiện quá 03 năm nên đề nghị hủy bỏ
49	Khu đô thị Quyết Thắng	Xã Quyết Thắng, TPTN	46.57			0.00	46.57	DA chưa triển khai thực hiện quá 03 năm nên đề nghị hủy bỏ
50	Khu đô thị Thái Sơn	Xã Quyết Thắng, TPTN	47.55			0.00	47.55	DA chưa triển khai thực hiện quá 03 năm nên đề nghị hủy bỏ
51	Khu dân cư xóm Nam Sơn	Xã Linh Sơn, TPTN	15.67			0.00	15.67	DA chưa triển khai thực hiện quá 03 năm nên đề nghị hủy bỏ
52	Trạm xử lý nước thải phục vụ các thuộc đồ án quy hoạch chi tiết Khu dân cư phường Tân Lập - phường Thịnh Đán	Phường Tân Lập, TPTN	0.19			0.00	0.19	DA chưa triển khai thực hiện quá 03 năm nên đề nghị hủy bỏ
53	Mở rộng bãi thải Nam, nắn suối CD, hành lang an toàn Công ty Than Khánh Hoà, xã Phúc Hà	Xã Phúc Hà, TPTN	16.08			0.00	16.08	DA chưa triển khai thực hiện quá 03 năm nên đề nghị hủy bỏ